

Tsinghid Aitmatóp
Iuri Naghibin
Vaxili Sucsín
Iuri Bôndarep
Valentin Raxputin



Người Thầy Đầu Tiên



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

TSINGHID AITMATÔP
IURI NAGHIBIN - VAXILI SUCSIN
IURI BÔNGDAREP - VALENTIN RAXPUTIN

NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

*Người dịch: Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo
Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Hào
Huỳnh Văn Hoa – Bỗ Xuân Tiến*

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Bạn đọc thân mến,

Nhân dịp kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam (20.11.2001) đầu tiên của thiên niên kỷ mới, Nhà xuất bản ĐÀ NẴNG và Trường Điện toán Ngoại ngữ CADASA Tp.HCM xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tập truyện ngắn chọn lọc *Người thầy đầu tiên* của các tác giả nổi tiếng thế giới như: Iuri Naghibin, Vaxili Sucsin, Iuri Bôndarep, Valentin Raxputin và Tringhd Aitmatôp và là bản dịch của những dịch giả có tên tuổi như: Cao Xuân Hạo, Phạm Mạnh Hùng, Bồ Xuân Tiên...

Tập truyện đã từng được bạn đọc Việt Nam đón nhận một cách nồng nhiệt trong các thập niên 60 - 70 & 80 và đã để lại nhiều âm vang trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc, đặc biệt đã làm cho người đọc yêu mến văn học Nga-Xô Viết. Hình ảnh người thầy đã được khắc họa đậm nét (thầy Duysen trong *Người thầy đầu tiên*, cô giáo Anna Vaxiliepnna trong *Cây sồi mùa đông*, Lidia Mikhailôpna trong *Bài học tiếng Pháp...*), hết lòng thương yêu học trò của mình, gần như quên đi bản thân mình, lúc nào cũng chỉ muốn cho học trò của mình được tiến bộ, được thành đạt; và bằng bạc trong những truyện ngắn này là những tình cảm cao thượng, lòng nhân ái, khát vọng vươn tới những giá trị chân thiện mỹ cao đẹp nhất.

Cho dù ngày hôm nay, mỗi người trong chúng ta có thể đã thành đạt về một phương diện nào đó, có những địa vị nào đó trong xã hội, song dù ở bất cứ nơi nào, trong sâu thẳm tâm hồn ta vẫn sáng chói hình ảnh của những người thầy đã từng dạy dỗ, dìu dắt ta trong mỗi chặng đường.

Xin gửi tới bạn đọc xa gần món quà nhỏ này để mỗi người có dịp hoài niệm về những gì đẹp đẽ, thiêng liêng nhất mà mình đã gặp trong suốt cuộc đời.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG.

TRƯỜNG ĐIỆN TOÁN & NGOẠI NGỮ CADASA TP.HCM

NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN

Tôi mở tung cánh cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lê minh xanh nhạt đang sáng dần, tôi nhìn kỹ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công làm. Những bức vẽ ấy nhiều lắm và tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói đến toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm được cái chính, cái mà giờ đây đang vụt đến với tôi một cách bất ngờ, không gì kìm hãm được, mỗi lúc thêm rõ rệt, với một âm vang mơ hồ khó hiểu trong tâm hồn, tựa như những tia sáng đầu tiên của buổi lê minh và cứ suy nghĩ, suy nghĩ mãi. Va lẫn nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ ràng bức tranh của tôi mới chỉ là một ý đồ.

Tôi vốn không phải là kẻ ưa nói trước hay báo tin cho bạn bè, ngay cả hạn thân, biết trước về một tác phẩm còn dang dở. Chẳng phải vì tôi quá ư nâng niu

tác phẩm của mình, mà chỉ vì tôi nghĩ khó lòng đoán biết được đứa bé hôm nay còn nằm trong nôi sẽ lớn lên thành người như thế nào. Nói đến một tác phẩm dở dang, chưa hoàn thành, cũng khó như thế. Nhưng lần này tôi rời bỏ nguyên tắc: tôi muốn nói lên cho mọi người nghe thấy, đúng hơn là trao đổi với mọi người những ý nghĩ của tôi về bức tranh còn chưa vẽ xong.

Đó không phải là một ý muốn nông nổi. Tôi không thể làm khác, vì tôi cảm thấy một mình tôi không đủ sức đương nổi gánh nặng này. Câu chuyện đã làm rung động tâm hồn tôi, câu chuyện đã thúc giục tôi cầm lấy bút vẽ, tôi thấy nó lớn lao đến nỗi chỉ riêng lòng tôi thôi thì không sao chứa đựng nổi. Tôi sợ làm sánh mất bát nước đầy, không trao được đến tận tay các bạn. Tôi muốn mọi người khuyên nhủ giúp tôi, mách bảo tôi cách giải quyết, tôi muốn mọi người, dù chỉ là trên dòng tư tưởng, dừng lại cạnh tôi bên giá vẽ, cùng rung cảm với tôi.

Xin đừng tiếc hơi ấm đang nồng nàn trong tim các bạn, hãy lại gần đây, thế nào tôi cũng phải kể lại câu chuyện này...



Làng Kurkurêu chúng tôi nằm ven chân núi, trên một cao nguyên rộng có những khe nước ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống. Phía dưới làng tôi là thung

lũng Hoàng Thổ, là cánh thảo nguyên Karakh mênh mông nằm giữa các nhánh của rặng núi Đen và con đường sắt làm thành một cái tham màu băng qua đồng bằng chạy tới đến chân trời phía tây.

Phía trên làng tôi, giữa một ngọn đồi, có hai cây phong lớn. Tôi biết chúng từ thuở bắt đầu biết mình. Dù ai đi từ phía nào đến làng Kurkureu cũng tôi cũng đều trông thấy hai cây phong đó trước tiên; chúng luôn luôn hiện ra trước mắt hết như những ngọn hải đăng đặt trên núi. Thậm chí tôi cũng không biết giải thích ra sao: phải chăng người ta vẫn đặc biệt trân trọng nâng niu những ấn tượng thời thơ ấu hay vì do có liên quan đến nghề họa sĩ của tôi, nhưng cứ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bốn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy.

Dù chúng có cao đến đâu chăng nữa, đứng xa thế cũng khó lòng trông thấy ngay được, nhưng tôi thì bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nom rõ.

Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Kurkureu và lần nào tôi cũng thì thầm với một nỗi buồn da diết: "Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy ? Mong sao chóng về tới làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong. Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất".

Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn: chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng. Một tâm hồn chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta có tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm chuyển qua lá cành như một đám lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một hơi như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão giông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực. Và trong tiếng gầm bất khuất của chúng nghe chừng như nghe thấy một lời thách thức ngỗ ngược: “Không, đừng hòng bắt ta phải khom lưng khuất phục, đừng hòng bẻ gãy thân ta”.

Bao nhiêu năm qua. Sau này, tôi đã hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kỳ chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.

Nhưng việc khám phá ra chân lý giản đơn ấy cũng vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến

nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh...

Cứ vào cuối năm học, trước khi bắt đầu nghỉ hè là bọn con trai chúng tôi lại chạy ào lên đây phá tổ chim. Cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa như muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền. Và chúng tôi, lũ ranh con đi chân đất, công kênh nhau bám vào các mắt máu và cành cây treo lên cao làm chấn động cả vương quốc loài chim. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại trên đầu. Nhưng chúng tôi vẫn chưa coi vào đâu, đến đây đã thăm gì ! Chúng tôi cứ leo lên cao nữa - nào, xem ai can đảm và khéo hơn ! - và từ trên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay, bỗng như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng. Chiều rộng không cùng của đất đai làm chúng tôi sững sốt. Mỗi đứa chúng tôi đều nín thở ngồi lặng đi trên một cành cây và quên mất cả chim lẫn tổ chim. Chuông ngựa của nông trường mà chúng tôi vẫn coi là tòa nhà rộng lớn nhất trên thế giới, ngồi đây chúng tôi thấy chỉ như một căn nhà xếp bình thường. Phía sau làng là dải thảo nguyên hoang vu mất hút trong làn sương mờ đục. Chúng tôi cố giương hết tầm mắt nhìn vào

nơi xa thăm biêng biếc của thảo nguyên và nom thấy không biết bao nhiêu đất đai mà trước đây chúng tôi không biết đến, thấy những con sông mà trước đây chúng tôi chưa từng nghe nói đến. Những dòng sông lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh. Chúng tôi nép mình ngồi trên các cành cây suy nghĩ: đã phải đây là nơi tận cùng thế giới chưa, hay phía sau vẫn còn có bầu trời ấy, những đám mây, những đồng cỏ và sông ngòi như thế này ? Chúng tôi náu mình trên các cành cây, lắng nghe những tiếng gió ào huyền và tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẫn sau chân trời xa thăm biêng biếc kia.

Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thán thốt và vui sướng, trong tiếng xạc xào không ngớt ấy tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia. Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này ? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hy vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này ?

Quả đồi có hai cây phong ấy, không biết vì sao ở làng tôi họ gọi là “Trường Đuysen”. Tôi còn nhớ hễ có ai lạc mất ngựa phải đi tìm và hỏi thăm: “Này, có thấy con ngựa tía nhà mình không.” Là người ta thường hay đáp: “Chỗ trên kia kìa, gần Trường Đuysen ấy, đêm

qua ngựa vẫn còn ăn cỏ ở đấy, lên tìm may ra thấy”. Bất chước người lớn, bọn trẻ chúng tôi vẫn thường lặp lại không hề suy nghĩ gì: “Các cậu ơi, lên Trường Duysen trèo cây phong phá tổ chim sẻ đi”.

Người ta thuật lại rằng trước kia trên đồi này có một ngôi trường. Nhưng hồi ấy đến dấu vết của ngôi trường chúng tôi cũng chẳng hề tìm thấy nữa. Thuở nhỏ tôi đã mấy lần cố tìm cho được dù chỉ là những vết tích đồ nát của ngôi trường, tôi lang thang tìm kiếm mãi nhưng chẳng thấy gì cả, về sau tôi bắt đầu lấy làm lạ, không hiểu sao người ta lại gọi quả đồi trơ trụi ấy là “Trường Duysen” và tôi đã có lần hỏi các cụ già xem Duysen là ai. Một người lơ đãng khoát tay đáp: “Duysen là ai à ? Đấy cái lão bây giờ vẫn còn sống ở đây ấy mà, trong thị tộc Cừu thọt ấy. Đã lâu lắm rồi, Duysen bây giờ còn là đoàn viên Komxômôn. Thời ấy, trên đồi có một căn nhà kho của ai bỏ hoang, Duysen mở trường dạy trẻ ở đấy. Mà nào có ra trường sở gì đâu, chỉ được cái tên thôi. Chao ôi, cái thời buổi ấy cũng hay ! Bây giờ hễ ai nắm nổi bờm ngựa, biết đút chân vào bàn đạp thì làm gì chẳng được. Duysen cũng vậy. Nghĩ ra cái gì là làm cho được cái ấy. Bây giờ gian nhà chứa ấy chẳng còn lấy được một hòn đá nhỏ, được mỗi một việc còn lại cái tên...”

Tôi rất ít biết Duysen. Chỉ còn nhớ đó là một người đã luống tuổi, vóc cao lớn, dáng xương xương, có đôi mày quân rậm. Nhà ông ở hên kia sông, đường

Đội hai. Dạo tôi còn ở làng thì Duysen trông coi hệ thống thủy lợi của nông trường và suốt ngày ở ngoài đồng. Thình thoảng ông có đi qua phố tôi, trên yên ngựa buộc một chiếc cuốc lớn và con ngựa của ông trông cũng giống chủ nó, cũng xương xẩu, vó chân thon nhỏ. Sau Duysen già đi và nghe nói ông đi đưa thư. Nhưng đó là nhân thể nói vậy thôi. Vấn đề ở chỗ khác. Theo quan niệm của tôi lúc đó thì người thanh niên Komxômôn phải là một chàng *gighit* nói hăng làm hăng hơn hết thấy mọi người trong thôn, thường phát biểu trong hội nghị, viết báo về bọn chấy lười và bọn ăn cắp của công. Và tôi không tài nào hình dung ra được con người hiền lành râu rậm ấy trước kia đã có lúc là Komxômôn, mà hơn nữa, điều đáng ngạc nhiên nhất là lại dạy trẻ con học trong khi chính mình cũng chẳng biết được bao nhiêu chữ nghĩa. Không, những chuyện như thế tôi không tài nào hình dung nổi ! Thành thực mà nói, tôi coi đó chỉ là một trong bao nhiêu chuyện cố tích được truyền tụng trong làng mà thôi. Nhưng về sau mới biết là sự thể hoàn toàn không phải như thế...

Mùa thu năm ngoái tôi nhận được một bức điện từ làng tôi gởi đến. Bà con trong làng mời tôi về dự buổi khánh thành ngôi trường mới do nông trường xây dựng lấy. Tôi lập tức quyết định về làng, vì làm sao tôi có thể ngồi nhà trong một ngày vui của quê hương như thế được. Tôi còn về trước vài ngày nữa là khác. Tôi định bụng về sẽ dạo quanh, ngắm cảnh và

về ít bức ký họa. Trong số những người được mời về dự hoa ra có cả bà viện sĩ Xulaimanôvna. Tôi nghe nói bà về đây một hai hôm rồi đi thẳng lên Matxcơva.

Tôi biết rằng người dân bà hiện nay đang nổi tiếng ấy đã rời làng ra tỉnh từ thuở nhỏ. Sống ở tỉnh thành được ít lâu, tôi cũng đã có dịp làm quen với bà. Bà đã nhiều tuổi, đầy đà, mái tóc chải mượt bạc đi nhiều. Người dân bà đồng hương nổi tiếng của chúng tôi làm chủ nhiệm bộ môn ở trường đại học tổng hợp, lên lớp giảng triết học, làm việc ở viện hàn lâm, hay đi ra nước ngoài luôn. Bà thường bận nhiều công việc và tôi vẫn chưa có dịp được quen biết thật gần gũi, nhưng bất cứ lần nào gặp tôi ở đâu bà cũng đều quan tâm đến cuộc sống tại quê hương và thế nào cũng bày tỏ ý kiến, dù là vấn đề, về tác phẩm của tôi. Có lần tôi đánh bạo hỏi bà:

– Antumai Xulaimanôvna, giá bà ghé về quê thăm bà con trong làng có lẽ hay đấy. Ở làng ai cũng biết bà; ai cũng hãnh diện vì bà, nhưng phần nhiều mọi người đều chỉ mới nghe danh tiếng thôi, nên có lúc họ nói rằng bà bác học nổi danh của làng ta hình như muốn xa lánh chúng ta, quên mất đường về Kurkureu rồi.

– Cố nhiên phải về chứ. – Bà Antumai Xulaimanôvna mỉm cười buồn buồn, – chính tôi vẫn mơ ước được về Kurkureu từ lâu, đã bao nhiêu năm không về làng rồi. Kê ra tôi cũng không còn họ hàng thân thích gì ở

làng nữa. Nhưng vấn đề đầu phải ở chỗ ấy. Thế nào tôi cũng về, tôi phải về; hay nhớ quê hương quá.

Bà viện sĩ Xulaimanôvna về đến làng khi buổi lễ trọng thể khánh thành trường học sắp khai mạc. Các nông trang viên trông thấy bà qua kính cửa xe hơi và mọi người đều đổ ra đường. Từ người quen cho tới người lạ, từ cụ già cho đến đứa trẻ ai cũng muốn bắt tay bà. Có lẽ Antunai Xulaimanôvna cũng không ngờ sẽ được đón tiếp như vậy, thậm chí còn luống cuống nữa thì phải. Bà đặt tay lên ngực, cúi chào mọi người và khó khăn lắm mới lách được lên bục chủ tịch đoàn.

Chắc hẳn bà Antunai Xulaimanôvna đã từng đi dự nhiều cuộc họp long trọng và chắc ở đâu bà cũng được đón tiếp nồng nhiệt và kính cẩn, nhưng tới đây, trong ngôi trường làng bình thường này, thái độ niềm nở ân cần của dân làng đã làm bà hết sức bồi hồi cảm động và bà luôn luôn cố giấu những giọt nước mắt bất giác trào ra.

Sau phần nghi lễ các em thiếu nhi thất khăn quàng đỏ cho vị khách quý, mang tặng hoa và mở đầu quyền sở danh dự của trường mới lập bằng tên bà. Kế đó là cuộc biểu diễn văn nghệ rất vui vẻ hấp dẫn của học sinh, rồi ông hiệu trưởng mời chúng tôi, các tân khách, thầy giáo và lao động xuất sắc của nông trường về nhà ông.

Đến đây họ vẫn chưa thể hết mừng rỡ với cuộc về thăm của Antumai Xulaimanóvna. Họ mời bà ngồi vào chỗ danh dự có trái thơm và cố tìm mọi cách để nêu rõ lòng kính trọng của họ đối với bà. Như trong tất cả những dịp như thế, bầu không khí hết sức náo nhiệt, khách khứa chuyện trò sôi nổi và luôn nâng cốc chúc mừng. Nhưng bỗng có anh thanh niên người làng đi vào đưa cho chủ nhân một tập điện tín. Các bức điện được truyền qua tay mọi người: các học sinh cũ chúc mừng bà con trong làng nhân dịp khánh thành nhà trường mới.

– Này, những bức điện này là do ông lão Đuysen mang về phải không ? – ông hiệu trưởng nói.

– Vâng, - người thanh niên đáp. – Ông cụ bảo suốt dọc đường vắt ngựa luôn tay để về kịp buổi lễ, cho nhân dân được nghe đọc các bức điện. Ông cụ chậm mất một tý, đang buồn.

– Thế để ông ta đứng đấy làm gì, ra bảo ông ấy xuống ngựa, mời vào đây !

Người thanh niên ra gọi Đuysen. Bà Antumai Xulaimanóvna đang ngồi cạnh tôi, không hiểu sao bỗng giật mình và như chợt nhớ ra điều gì, bà hỏi tôi xem họ đang nói đến Đuysen nào thế, giọng bà rất lạ.

– Đây là người đưa thư của nông trường, bà Antumai Xulaimanóvna ạ. Bà có biết ông cụ Đuysen à ?

Bà gạt đầu qua loa, rồi toan đứng dậy, nhưng giữa lúc ấy nghe có tiếng ai cười ngửa đi ngang qua cửa sổ và người thanh niên quay vào nói với chủ nhân:

- Akxakan ạ, tôi gọi ông cụ vào đây nhưng ông ấy đi rồi, ông cụ còn phải đi phát nốt thư.

- Thì cứ để ông lão đi đưa thư, giữ lại làm gì. Sau rồi ngồi với các cụ già cùng được, có người khó chịu thốt ra.

- Ô ! Các vị không biết Đuysen của chúng ta đấy thôi ! Ông ấy là người rất nguyên tắc. Chưa làm xong việc thì không có rê vào đâu hết.

- Đúng đấy, tính ông cụ lạ thật. Sau chiến tranh ông cụ xuất viện tại Ukrain, rồi ở lại đấy, mới về làng được năm năm nay. Ông cụ bảo là về chết ở quê cha đất tổ. Suốt đời cứ sống độc thân thế thôi...

Nhưng giá ông cụ ghé vào một tý lúc này vẫn hơn... Thôi cũng được. - Và chủ nhân khoát tay.

- Các đồng chí, nếu các đồng chí còn nhớ thì ngày xưa chúng mình đã từng học ở trường Đuysen. Một trong số những người được kính nể nhất ở làng nâng cốc nói. - Mà chính ông ta thì hẳn là chưa biết hết mặt chữ cái. - Người phát biểu nheo mắt và lắc đầu. Tất cả đáng bộ ông ta lộ rõ ý ngạc nhiên và chế giễu.

- Ấy đúng như thế đấy, mấy giọng nói hưởng ứng theo. Cừ tọa cười phá lên.

– Bảy giờ thì còn phải nói ! Hối ấy còn thiếu trò gì mà Dụcsen lại không bày vẽ ra. Chúng mình thì cứ tưởng ông là thầy giáo thật kia chứ !

Khi tiếng cười đã ngớt, người vừa nâng cốc nói tiếp:

– Bảy giờ mọi người đều đã trưởng thành lên ngay trước mắt chúng ta. Bà viện sĩ Antunai thì cả nước biết tiếng. Hầu hết chúng ta đều có trình độ giáo dục phổ thông và nhiều người có trình độ đại học. Hôm nay chúng ta làm lễ khánh thành trường trung học mới ở làng, chỉ riêng một điều đó thôi cũng đủ nói lên cuộc sống đã thay đổi biết chừng nào. Vậy thì, thưa bà con, chúng ta hãy cạn chén chúc cho mai này con cháu làng Kurkurêu sẽ trở thành những con người tiên tiến của thời đại.

Mọi người lại ồ ào và nhất tề hưởng ứng cốc rượu mừng riêng bà Antunai Xulaimanôvna đỏ mặt, như có điều gì khiến bà ngượng ngùng và chỉ nhấp môi vào cốc rượu. Nhưng mọi người đang lúc hoan hỉ và mải mê trò chuyện nên không để ý thấy thái độ của bà.

Antunai Xulaimanôvna xem đồng hồ mấy lần. Rồi đến khi khách khứa đã ra đường, tôi thấy bà đứng riêng sang một bên cạnh con kênh đào, cách hẳn mọi người và nhìn đắm đắm lên ngọn đồi chỗ hai cây phong sang độ thu đã ngả màu đỏ ủa đang rụng đưa

trước gió. Mặt trời lặn xuống ngang vết dài màu tím nhạt của thảo nguyên xa tắp trong buổi hoàng hôn. Từ phía ấy, ánh nắng đang tàn lụi nhuộm một sắc đỏ tía dùng dục, buồn thắm lên ngọn hai cây phong.

Tôi bước lại gần bà Antunai Xulaimanôvna.

– Bây giờ hai cây phong đang rụng lá. Giá bà nhìn chúng vào mùa xuân, lúc đang độ đâm chồi nảy lộc thì thích hơn. Tôi nói.

– Chính, tôi cũng đang nghĩ thế đấy - Antunai Xulaimanôvna thở dài, lặng thinh một lát rồi nói tiếp như tự nhủ mình: – mà phải, sinh vật nào cũng có mùa xuân và mùa thu của nó.

Trên khuôn mặt tàn úa đã có nhiều nếp nhăn nhỏ bé xung quanh mắt thoáng hiện vẻ ưu tư. Bà đứng nhìn hai cây phong với nỗi buồn u uất mà chỉ phụ nữ mới có được. Và tôi bỗng thấy như đứng trước mặt tôi không phải là viện sĩ hàn lâm Xulaimanôvna nữa mà chỉ là một phụ nữ Kirghizi bình thường, hết sức chất phác trong mọi nỗi khổ niềm vui. Người đàn bà thông thái ấy hẳn là giờ đây đang nhớ lại tuổi xuân của mình, cái tuổi xuân mà, như lời hát trong các bài dân ca của chúng tôi, dầu có đứng trên đỉnh núi cao nhất cũng không sao gọi thấu. Hình như trong khi nhìn lên hai cây phong bà muốn nói điều gì, nhưng rồi chắc bà nghĩ sao lại thôi và lật đật đeo cặp kính vẫn cầm ở tay lên mắt.

- Hình như xe lửa đi Matxcơva chạy qua đây vào mười một giờ phai không.

- Vâng, lúc mười một giờ đêm.

- Thế thì tôi phải sửa soạn ngay mới được.

- Sao lại đột ngột thế ạ ! Antumai Xulaimanôvna, bà đã hứa ở lại vài ngày cơ mà ? Dân làng không để bà đi đâu.

- Không, tôi có nhiều việc gấp phải đi ngay bây giờ.

Dù dân làng có cố vật nài đến đâu, có tỏ vẻ giận dữ đến thế nào, Antumai Xulaimanôvna cũng vẫn một mực không đổi ý.

Trong khi đó trời bắt đầu sẩm tối. Dân làng buồn rầu đưa bà ra xe, sau khi được bà hứa rằng lần sau sẽ về một tuần lễ, có khi lâu hơn là khác. Tôi tiễn Antumai Xulaimanôvna đến tận ga.

Vì sao Antumai Xulaimanôvna lại vội ra đi một cách đột ngột như vậy ? Làm phật ý bà con trong làng, nhất là vào một ngày như thế, tôi thấy quá không nên. Đọc đường đã mấy lần tôi định hỏi bà về chuyện đó, nhưng rồi lại không dám. Chẳng phải vì tôi sợ tỏ ra thiếu lịch thiệp, mà chỉ vì tôi hiểu rằng đằng nào bà cũng sẽ chẳng nói gì hết. Suốt dọc đường bà cứ lặng thinh, ưu tư suy nghĩ điều gì.

Tuy vậy, khi lên đến ga, tôi cũng hỏi bà:

– Bà Antumai Xulaimanôvna, hình như bà có điều gì bận tâm, hay chúng tôi đã làm bà giận ?

– Sao anh lại nói thế ! Anh không được nghĩ như vậy ! Tôi còn có thể giận ai được chứ ? Họa chẳng giận mình thì có. Phải, lẽ ra phải giận mình mới đúng.

Thế là bà Antumai Xulaimanôvna ra đi. Tôi trở lại thành phố và mấy hôm sau bỗng nhận được thư của bà. Bà cho biết là sẽ ở lại Matxcơva lâu hơn dự định và viết:

“Tuy có rất nhiều công việc quan trọng và khẩn cấp, tôi cũng đã quyết định gác hết lại và viết lá thư này cho anh... Nếu anh thấy điều tôi viết đây đáng được chú ý thì tôi khẩn khoản xin anh nghĩ xem làm thế nào cho mọi người cùng biết câu chuyện tôi sẽ kể. Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này. Tôi đã thấy rõ như vậy sau bao lần đắn đo cân nhắc. Đó là lời xưng tội của tôi trước mọi người. Tôi cần phải làm tròn bổn phận của tôi. Càng nhiều người được biết thì lương tâm tôi càng đỡ cắn rứt. Anh đừng sợ làm cho tôi lâm vào tình trạng khó xử. Anh đừng giấu giếm gì hết...”

Tôi đã mang nặng trong lòng những ấn tượng của lá thư ấy mấy ngày liền. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà Antumai Xulaimanôvna để kể hết chuyện này.



Đó là vào năm 1924. Phải, đúng vào năm ấy...

Nơi hiện nay là nông trường chúng ta, bây giờ là một thôn nhỏ của dân nghèo định cư. Lúc ấy tôi mười bốn tuổi và sống ở nhà ông chú họ. Cha mẹ tôi đều đã qua đời.

Mùa thu năm ấy, chẳng bao lâu sau khi những nhà có mái mật đã dời vào núi để trú qua mùa đông, có một thanh niên lạ mặt mặc áo choàng bộ đội về làng. Tôi còn nhớ chiếc áo choàng, vì không hiểu sao nó lại bằng da đen. Đối với thôn chúng tôi, một thôn hẻo lánh nép vào chân núi cách xa đường cái, sự xuất hiện của con người mặc áo nhà nước này là một sự việc quan trọng.

Lúc đầu người ta bảo rằng đó là một cấp chỉ huy trong bộ đội cho nên về làng cũng sẽ làm trưởng thôn, sau hóa ra anh ta chẳng phải là cấp chỉ huy gì cả, mà chính là con ông lão Tatanbek đã bỏ làng đi làm đường sắt từ dạo đói bao nhiêu năm trước đây và từ đấy biệt hản tâm tích. Còn anh này là Duysen, con ông ta, hình như được cử về làng để mở trường dạy trẻ.

Thời bấy giờ những thứ như “nhà trường”, “học tập” hãy còn là những danh từ mới mẻ, chẳng mấy ai hiểu rõ cho lắm. Người thì tin những tiếng đồn đại, người thì cho đây là những chuyện đàn bà bàn tán

nhám và có lẽ họ đã quên mất cái trường ấy, nếu mấy hôm sau không có lệnh gọi dân làng đi họp. Chú tôi cầu nhàu mãi: “Lại họp hành gì nữa, cứ làm người ta bỏ công việc mãi vì những chuyện vớ vẩn”, nhưng sau ông ta cũng thắt ngựa và đi họp như mọi người đàn ông khác biết tự trọng. Tôi cũng chạy theo chú tôi cùng với lũ trẻ con hàng xóm.

Lúc chúng tôi thở hổn hển chạy lên gò chỗ dùng làm nơi hội họp thì chính anh thanh niên xanh xao mặc áo khoác đen ấy đang phát biểu trước đám người đi bộ và cưỡi ngựa tập hợp xung quanh. Chúng tôi không nghe rõ lời anh nói nên định nhích lại gần, nhưng bỗng một cụ già mặc chiếc áo lông rách như vừa sức tỉnh, vội vã ngắt lời anh:

– Này cháu ơi, – ông cụ bắt đầu lắp bắp nói, – trước kia thì các pháp sư dạy trẻ con, mà bố cháu thì chúng ta biết rõ lắm, cũng khố rách áo ôm như chúng ta đây thôi. Cháu thử nói xem cháu đã thành pháp sư tự bao giờ ?

– Cháu không phải là pháp sư, cụ ạ, cháu là thanh niên Komxômôn, – Duysen đáp nhanh. – Mà bây giờ thì không phải pháp sư dạy trẻ con đâu, mà là các thầy giáo. Cháu đã được học chữ ở bộ đội và trước đó cũng vẽ vẽ ít nhiều. Đây cụ xem cháu là thứ pháp sư gì.

– A, ra thế...

- Khá đấy ! - có những tiếng reo cổ vũ.

- Như vậy là đoàn Komxômôn cử tôi về đây dạy con em bà con. Nhưng muốn dạy thì phải có chỗ mà dạy. Tôi định làm nhà trường, cố nhiên là với sự giúp đỡ của bà con, ở chỗ chuồng ngựa cũ trên đồi kia. Bà con nghĩ sao ?

Mọi người im lặng như thể đang cân nhắc trong óc: cái anh chàng lạ mặt này muốn gì nhỉ ? ông Xatumkun vừa nheo mắt như nhắm bắn vừa thốt lên.
- Tốt hơn hết là cậu hãy nói xem là chúng ta cần cái trường ấy để làm gì ?

- Sao lại để làm gì ? - Đuysen ngờ ngàng hỏi.

- Đúng đấy ! - có ai trong nhóm đồng phụ họa theo.

Và mọi người bỗng cùng nhốn nháo, ồn ào cả lên.

- Từ thượng cổ đến nay người ta chỉ sống bằng nghề nông, cái cuộc nuôi ta sống. Và con cái chúng ta cũng sẽ sống như thế thôi, học hành làm quý gì. Làm chi huy thì mới cần chữ nghĩa, chúng ta chỉ là dân thường thôi. Đừng tán chuyện vớ vẩn nữa !

Những tiếng xôn xao lắng đi một lát.

- Chẳng lẽ bà con lại phản đối việc cho con em đi học hay sao ? - Đuysen ngờ ngác hỏi, nhìn chăm chập vào mặt những người đứng quanh anh.

- Thế nếu phản đối thì sao, để anh bắt buộc được chúng tôi à ? Thơi buổi ấy đã qua rồi. Nhân dân chúng tôi bây giờ tự do, chúng tôi muốn sống ra sao thì sống !

Mặt Duysen nhợt hần đi. Anh run run đưa tay lên tháo móc gài áo khoác ra, móc túi áo trong lấy ra một tờ giấy gấp tư và vội vã mở ra, giờ cao lên quá đầu.

Nghĩa là các người chống lại tờ giấy này, tờ giấy nói về việc học hành của trẻ em, có đóng dấu của chính quyền Xô Viết. Thế ai cho các người đất cày, nước tưới ? Ai mang lại tự do cho các người ? Nào, ai chống lại luật lệ của chính quyền Xô-viết, ai ? Nói đi !

Anh thét lên hai tiếng “nói đi” bằng một giọng giận dữ rung lên sang sảng, nghe hùng dũng như một viên đạn xé tan cánh ẩm cứng của bầu không khí tĩnh mịch trời thu và như một tiếng nổ, giọng anh vang dội thành một tiếng vọng ngán trong vách núi. Không ai thốt ra lời nào. Mọi người im lặng, đầu cúi gằm.

- Chúng ta là những kẻ nghèo khó, - Duysen nói, giọng đã khê hơn - Suốt đời chúng ta đã bị chà đạp nhục nhã. Chúng ta đã phải sống trong cảnh tăm tối. Giờ đây chính quyền Xô-viết muốn cho chúng ta trông thấy ánh sáng, muốn cho chúng ta biết đọc biết viết. Muốn thế thì phải dạy trẻ em học...

Đuysen ngừng lời chờ đợi. Và lúc đó chính ông cụ mặc chiếc áo lông rách đã hỏi anh làm thế nào mà lại thành pháp sư, lăm bắm bằng một giọng làm lạnh:

- Thôi được, anh đã muốn thì cứ dạy đi, còn chúng tôi đây thì... Chúng tôi không chống lại luật pháp.

- Nhưng tôi xin bà con giúp đỡ tôi. Chúng ta phải chữa lại cái chuồng ngựa của phú nông trên đồi kia, phải làm cầu qua sông, nhà trường cần có củi...

- Này hუმ đã, chàng *gighit* ơi, nhanh nhẩu quá đấy ! - Lão Xatumkun - hay cài ngắt lời Đuysen.

Lão xì nước bọt qua kẽ răng, rồi lại nheo mắt như nhắm hấn:

- Anh hét ầm cả làng là "Tôi sẽ mở trường !". Nhưng thử xem anh kìa: trên người chiếc áo lông chẳng có, dưới thân thì con ngựa cũng không, đến mảnh đất cày bằng bàn tay thôi cũng không có nốt, chẳng có được mống súc vật nào trong sân ! Vậy thì anh định sinh sống ra sao, anh bạn thân mến ? Họ chẳng có đi chăn súc vật cho người khác... Nhưng khốn nỗi chúng tôi không có súc vật cho anh chăn đâu. Những kẻ có thì đã lên núi rồi.

Đuysen muốn trả lời một câu gì cho thật xẵng, nhưng rồi nén giận nói khẽ:

- Tôi sẽ có cách sống. Tôi sẽ có lương.

– A, cứ nói ngay thế có phải hơn không ! – Và Xatưmkun hể hà ngồi thẳng người lên lưng ngựa, về đắc thẳng rõ rệt. – Bây giờ thì mọi sự đã rõ. Anh bạn trẻ ơi, việc anh thì anh cứ làm lấy, cứ lĩnh lương mà dạy trẻ. Nhà nước thiếu gì tiền. Còn chúng tôi thì anh cứ để chúng tôi yên thân, nhờ trời công việc của chúng tôi cũng ngập đến cổ rồi...

Nói đoạn Xatưmkun quay ngựa đi về nhà. Những người khác cũng theo lão kéo nhau về. Chỉ còn Đuysen vẫn đứng trơ lại tay cầm tờ giấy. Tội nghiệp anh không biết đi đâu bây giờ nữa...

Tôi thấy ái ngại cho Đuysen. Tôi cứ đứng nhìn anh không rời mắt cho đến khi chú tôi cưỡi ngựa đi qua quát gọi:

– Cái con đầu bù kia, làm gì mà đứng há hốc mồm ra đấy, có chạy mau về nhà không ? – Tôi đành cầm đầu đuôi theo các bạn. – Chà, cái con này, thứ chúng nó mà cũng đã tấp tễnh đi họp rồi kia đấy !

Ngày hôm sau, bọn con gái chúng tôi đang đi lấy nước thì gặp Đuysen ở bờ sông. Anh đang lội sang bờ bên kia, tay cầm xéng, cuốc, rìu và một chiếc thùng cũ.

Từ hôm ấy sáng nào cũng thấy Đuysen mặc chiếc áo đen lúi thui men theo con đường mòn leo lên đồi tới chỗ chuồng ngựa bỏ hoang. Và đến tối mịt mới trở xuống về làng. Chúng tôi thường thấy anh mang một bó củi hay một bó rạ khô lớn trên lưng. Trông thấy

anh từ xa, ai nấy đều rướn người trên bàn đạp và che mắt nhìn, ngạc nhiên bàn tán:

– Này, hình như thầy giáo Duysen đang còng cùi kia phải không ?

– Chính anh ta rồi.

– Chà, tội nghiệp. Nghề thầy giáo xem ra cũng chẳng phải nhẹ nhàng gì.

– Thế anh tưởng thế nào. Cứ xem anh ta còng lấy bao nhiêu kia, chẳng kém gì thàng ở nhà phú nông cả.

– Thế mà nghe anh ta diễn thuyết thì ra phết lắm.

– Ấy, là vì anh ta có tờ giấy đóng dấu, bao nhiêu sức mạnh ở đấy hết.

Có lần, mang những túi đựng đầy *kigiác* nhặt ở chân núi mé trên làng trở về, chúng tôi vòng vào trường: xem thử thầy giáo đang làm gì ở đấy cũng hay. Căn nhà kho cũ bằng đất nện này trước kia vốn là chuồng ngựa của phú nông. Trước kia, vào mùa đông, người ta thường nhốt những con ngựa cai đẻ con trong những ngày giá rét ở đây. Sau khi chính quyền Xô-viết lên, tên phú nông bỏ đi đâu mất và chuồng ngựa vẫn còn lại đó. Không ai bước chân đến đây và chung quanh gai góc mọc lên rậm rạp. Bây giờ những cây co dại đã bị phạt đến tận rễ xếp thành đồng nằm

gọn một bên, cái sân đã được dọn sạch. Những bức vách xiêu vẹo dài dẫu mưa nắng nay đã được trát đất lại; cánh cửa ọp ẹp, trước đây chỉ còn bám lũng lảng vào mỗi một chiếc bản lề, nay cũng được sửa lại và lắp vào cẩn thận.

Lúc chúng tôi đặt các bao *kigiắc* xuống đất để nghỉ một lát, Đuysen từ trong cửa bước ra, người bệ bết đất. Trông thấy chúng tôi, anh ngán người ra một lát, nhưng rồi lại mỉm cười niềm nỡ, lấy tay quạt mồ hôi trên mặt.

- Đi đâu về thế các em gái ?

Chúng tôi ngồi cạnh những bao *kigiắc* thẹn thò nhìn nhau, Đuysen hiểu rằng chúng tôi im lặng vì bẽn lẽn nên nháy mắt động viên:

- Những cái bao kia to hơn cả người các em đấy. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì ? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi. Ta vừa đắp một thứ lò sưởi ở góc nhà và bắc cả ống khói trên mái, các em thử nhìn xem ! Giờ chỉ còn phải trũ sẵn củi để sưởi trong mùa đông nữa thôi, nhưng không sao, chung quanh thiếu gì củi khô. Dưới nền nhà ta sẽ trải rơm thật nhiều, thế là có thể bắt đầu học được rồi. Thế nào, các em có thích học không, các em sẽ đi học chứ ?

Tôi lớn hơn các bạn gái khác nên đánh bạo trả lời:

- Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi.

Sao thím em lại không cho, thế nào cũng cho chứ. Vậy tên em là gì ?

- Antunai: - tôi vừa đáp vừa lấy tay che chỗ gấu váy thung dờ hờ một mảng đầu gối.

- Antunai, cái tên hay quá. mà em thì chắc là ngoan lắm phải không ? - Đuyzen mỉm cười hiền từ. Khiến tôi thấy lòng âm hẳn lại.

Thế em con ai ?

Tôi lặng thinh; tôi vốn không thích có ai thương hại tôi.

Chỉ ấy mà coi ạ, chị ấy ở với ông chú. - mấy đứa bạn tôi đỡ lời.

- Thế này nhé, -- Đuyzen mỉm cười nói với tôi,

- Antunai ạ, em sẽ dẫn các em khác đi học được chứ ?

Thưa chú được ạ.

- Các em cứ gọi ta là thầy. Các em có muốn xem trường không ? Vào đây, các em đứng ngại gì ca.

- Không, chúng em phải về nhà đây, -- chúng tôi rụt rè nói.

Thôi được, các em chạy về nhà đi. Khi nào đến học các em sẽ xem sau vậy. Giờ chưa tối, thầy đi lấy rá khô lán nữa đã.

Cầm lấy chiếc liềm và sợi dây, Đuysen bước ra đồng. Chúng tôi cũng đứng dậy công những bao *kigiãc* lên lưng và rao bước về làng. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ bất ngờ.

Này các cậu ơi, – tôi gọi các bạn – Ta đổ *kigiãc* vào trong trường di, đến mùa đông sẽ có được nhiều cái đốt sưởi hơn.

– Thê về nhà tay không à ? Chà, khôn đấy nhi !

Nhưng ta sẽ quay lại nhặt thêm nữa.

– Thôi muộn mất, về nhà lại bị mắng đấy.

Và bọn con gái không chờ tôi, cứ ráo cẳng về nhà.

Cho đến nay tôi vẫn không hiểu hôm ấy cái gì xui khiến tôi dám làm một việc như thế. Không biết vì tôi giận các bạn đã không nghe tôi nên cứ muốn làm theo ý mình, hay từ thuở bé mọi ước nguyện, mọi ý muốn của tôi đều bị chôn vùi dưới những lời mắng chửi, những cái bạt tai của những con người phũ phàng, chỉ biết là tôi vẫn thấy muốn làm một việc gì để cảm ơn con người thật ra không quen biết ấy, để đền đáp lại nụ cười đã sưởi ấm lòng tôi, đền đáp lòng tin cậy của người ấy đối với tôi, đền đáp mấy câu nói nhún từ ấy. Và giờ đây tôi biết rất rõ, tôi tin chắc rằng cuộc đời thật sự của tôi tất cả cuộc sống với mọi niềm vui nỗi khổ của tôi đã bắt đầu chính từ ngày hôm đó, chính từ bao *kigiãc* ấy. Tôi nói như vậy bởi vì chính hôm đó, lần đầu tiên trong đời tôi đã không

dẫn đo, không sợ bị phạt, đã quyết định và làm điều tối cho là cần thiết. Khi các bạn bỏ tôi lại, tôi chạy trở về trường Duysen, trút bao *kigiac* xuống dưới cửa và cầm đầu chạy men theo các khe rãnh, các hẻm đá ở chân núi nhặt *kigiac*.

Tôi cứ chạy mãi, không còn biết mình đi đâu nữa, như thế vì quá dư sức mà tìm tôi sung sướng đập rộn rã trong lồng ngực, tựa hồ như tôi đã làm nên công trạng gì vô cùng to lớn. Và ca mặt trời cũng như biết rõ vì đau tôi sung sướng đến thế. Phải, tôi tin rằng mặt trời cũng biết vì đau tôi lại chạy tung tăng nhẹ nhàng như thế. Bởi vì tôi đã làm được một việc nhỏ hùn ích.

Mặt trời đã xé bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như con chồn chưa muốn lặn, con muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi: mặt đất rần mùa thu trải qua dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng, màu tím. Từng cụm bông lau khô vụn vọt bay hai bên như những tia lửa lấp lóe. Mặt trời dội lửa lên những chiếc cúc mạ bạc trên tấm áo đầy mụn và tôi mặc. Và tôi cứ chạy đi, trong lòng hoan hỉ nói với đất trời, với gió mây: "Hãy nhìn tôi đây ! Hãy nhìn xem tôi đang kiêu hãnh chừng nào ! Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường và sẽ dẫn cả các bạn khác đến !..."

Không biết tôi chạy như thế bao lâu, nhưng tôi bỗng sực nhớ ra là phải nhặt *kigiac* nữa. Thế nhưng

lạ thay, suốt mùa hè ngắn ấy súc vật thả ở đây và lúc nào cũng thấy nhan nhản bao nhiêu *kigiãc*, vậy mà giờ đây tựa hồ như đất đã ngốn hết mất cả. Hay chỉ vì tôi không chịu tìm ? Tôi chạy hết chỗ này sang chỗ kia, càng đi xa *kigiãc* càng ít đi. Bấy giờ tôi mới nghĩ ra rằng từ giờ đến tối không thể kịp nhặt được đầy túi phân mất, tôi sợ hãi, chạy lung tung theo các bụi lau, tôi cuống cuống vội vã. Cuối cùng tôi cũng nhặt được nửa bao. Lúc ấy mặt trời đã lặn hẳn, trong hẻm núi trời bắt đầu sẫm tối rất nhanh.

Chưa bao giờ tôi ở ngoài đồng một mình muộn đến thế. Đêm đã buông cánh đen sẫm xuống những triền đồi yên lặng, không một bóng người. Sợ thất thần, tôi vác chiếc bao lên vai và cầm đầu chạy về làng. Tôi khiếp đảm và có lẽ tôi đã kêu lên, khóc lên, nếu không có một ý nghĩ, dù là lạ lùng, tự nhiên kìm tôi lại, là thầy Duysen sẽ nói sao, nếu trông thấy tôi yếu đuối như thế này. Và tôi đã lấy lại can đảm, tự cấm mình không được ngoái nhìn lại nữa, như có thấy đang đứng một bên nhìn theo tôi vậy.

Tôi chạy về đến nhà, thở hắt hắt, người đầy bụi và mồ hôi. Tôi vừa thở vừa bước qua ngưỡng cửa. Thím tôi đang ngồi cạnh bếp, đứng lên đón tôi, vẻ dọa nạt. Thím tôi vốn là người độc ác thô bạo.

Mày đi đâu mất mặt thế ? - Thím bước lại gần tôi và tôi chưa kịp thốt ra lời nào, thím đã giật lấy

chiếc bao trên người tôi và lắng sang một bên. – Suốt ngày mày lượm được từng này đây hờ ?

Thì ra tụi bạn gái đã hót leo với thím tôi rồi.

– Con quý đen kia ! – Đứa nào xúi mày ghé vào trường ? Sao mày không chết rấp trên cái trường ấy đi cho rảnh. Thím túm lấy vai tôi và bắt đầu đánh liên hồi vào đầu. – Quân không cha không mẹ ! Chó sói có bao giờ lại thành chó nhà được. Con nhà người ta thì tha của về nhà, còn nó chỉ chực đem của nhà đi cho thiên hạ. Muốn xem trường thì rồi tao sẽ cho xem, mày cứ còn bèn mắng đến gần đây là tao đánh què cẳng đi. Tao sẽ cho mày nhớ đời cái trường ấy...

Tôi nín lặng, chỉ cố sao đừng thét lên. Nhưng sau đó, vừa ngồi đây bếp tôi vừa lặng lẽ khóc vụng, tay sẽ vuốt ve con mèo mướp, còn con mèo thì lúc nào tôi khóc nó cũng biết và nhảy lên đầu gối tôi. Tôi không khóc vì những đòn thím tôi đánh, không, vì tôi đã quen chịu đòn quá rồi, tôi khóc vì hiểu rằng thím tôi không đời nào chịu cho tôi đi học...

Hai ngày sau, sáng sớm trong làng chó bông sủa ran lên và có những tiếng nói oang oang. Hóa ra là Đuysen đi từng nhà gọi trẻ em đến trường. Lúc bấy giờ trong làng còn chưa có ngõ lối gì cả, những túp lều xám tối om dưng lung tung khắp xóm, ai tiện đâu thì làm nhà đấy. Đuysen cùng bọn trẻ kéo theo sau thành một đám ồn ào đi hết nhà nọ sang nhà kia.

Nhà tôi ở tận cuối làng. Giữa lúc ấy tôi đang cùng thím tôi già kê trong chiếc cối gỗ, còn chú tôi thì đang dao chò thóc để dưới hố gần nhà chứa đồ để mang ra chợ bán. Tôi và thím tôi đang đung giã, lần lượt giáng những chày nặng nề xuống cối, nhưng tôi vẫn kịp lên nhìn xem thấy giáo còn xa không. Tôi sợ thấy không đi đến tận nhà chung tôi. Dầu tôi biết thím tôi sẽ không cho đi học, tôi vẫn muốn Đuyxen đến, dù chỉ để thấy biết tôi ở chỗ nào. Và tôi thăm van thấy đừng quay trở lại trước khi đến nhà tôi.

Chào bà chu, cau trời phụ hộ cho bà ! Mà trời không phù hộ thì ca bọn chúng tôi sẽ cùng ra vào giúp một tay, bà xem chúng tôi có đông không này !

Đuyxen chắc thím tôi báng một câu pha trò kéo theo sau lũ học trò tướng lại.

Thím tôi ậm ừ trả lời, còn chú tôi thì ở dưới hố chôn thóc cũng chẳng thò đầu lên.

Những điều đó không làm Đuyxen bối rối. Thấy ngòi xuống khúc gỗ nằm ở giữa sân, về bên rón, lấy bút chì và giấy ra.

- Hôm nay chúng tôi bắt đầu dạy học ở trường. Con gái bà bao nhiêu rồi ?

Thím tôi khựng lại, giận dữ ném chày vào cối. Thím tôi ra năng, không muốn tiếp chuyện. Người tôi như cơ ním lại, rồi cơ sự sẽ ra sao đây ? Đuyxen nhìn tôi và mỉm cười. Và cũng như lần ấy, tôi thấy lòng ấm hẳn lại.

Antunai, em bao nhiêu tuổi ? - Thầy hỏi.

Tôi không dám trả lời.

Việc gì mà anh phải biết nó bao nhiêu tuổi, anh là thứ thanh tra gì thế ? Thím tôi giần dữ nói. Nó không học được đâu. Cái quán không cha không mẹ ấy thì học gì, đến những đứa co me có cha hẳn hoi cũng còn không học nữa là. Anh cứ kéo ca cái lư oắt kia đi mà dạy, không bận gì đến anh ở đây cả.

Đuysen đứng phất dạy.

Bà hãy nghĩ lại xem bà nói gì thế ? Nó mỗ còi thì có tội tình gì ? Hay có luật lệ nào không cho các trẻ em mỗ còi đi học ?

Luật lệ của anh thì tôi cần gì ! Tôi có luật lệ riêng của tôi, anh không cần phải dạy tôi.

- Luật lệ là luật lệ chung. Và nếu bà không cần đến cháu gái, thì chúng tôi cần nó, chính quyền Xô-viết cần nó. Còn ba chống lại thì chúng tôi sẽ cho ba biết !

- Ô gồm nhi, anh là cái thứ gì mà dám len mặt với tôi ! - Thím tôi đứng chống nạnh, vẻ kiêu khích. Theo anh thì ai là người có quyền cai quản nó ? Thứ hỏi tôi nuôi nấng nó hay anh, cái thứ cần bơ cần bắt hết đời cha sang đời con kia ?...

Không biết rồi câu chuyện sẽ kết thúc ra sao, nếu lúc ấy chú tôi, mình trần trụi trực, không treo lên

khỏi hổ thóc. Chú thường bực mình không sao chịu được khi thấy vợ cứ nhúng vào những công việc không phải của mình quên mất rằng trong nhà thì người chồng làm chủ. Chú tôi thường đánh đập thím ấy tàn nhẫn vì những tội như vậy. Và lần này cũng có thể thấy rõ ràng chú đã điên tiết lắm rồi.

- Thôi đi, dở đàn bà ! - Chú vừa quát tháo vừa leo lên. - Bà làm chủ trong nhà này từ bao giờ đấy, bà bắt đầu chỉ huy từ bao giờ thế hả ? Bớt ba hoa đi mà làm nhiều vào. Còn con ông Tastanbek kia, anh cứ đem con bé đi, muốn dạy nó học thì dạy, muốn làm gì nó thì làm. Thôi cút đi !

A, thế ra con bé sẽ đi lêu lổng ngoài trường học, còn công việc ở nhà thì ai làm cho ? Để dồn cả tôi à ?

- Thím tôi vừa hé miệng, chú tôi đã chặn ngay:

- Thôi, không lôi thôi gì nữa !

Chẳng có việc gì mà lại không có một phần may. Chuyện tôi được đi học lần đầu là như thế đấy.

Từ hôm đó sáng nào thầy Duyzen cũng đến từng nhà để gọi chúng tôi.

Lần đầu tiên chúng tôi tới trường, thầy giáo sắp xếp cho chúng tôi ngồi trên các ổ rơm trải giữa sân nhà rồi phát cho mỗi đứa một quyển vở nhỏ, một cái bút chì và một chiếc bảng con.

- Các em tỳ bang lên đầu gối mà viết cho dễ,
- thầy Duysen giảng giải.

Rồi thầy chỉ lên bức chân dung của một người Nga dán trên vách nói:

- Đây là Lênin !

Suốt đời tôi vẫn nhớ bức chân dung ấy. Không hiểu tại sao về sau tôi không thấy nơi nào có bức đó nữa và trong thâm tâm tôi vẫn thầm gọi là bức chân dung Lênin “của Duysen”. Lênin trên bức ảnh mặc chiếc áo dài quân nhân hơi rộng, má gầy hóp, bộ râu cằm lồm chồm. Cánh tay bị thương của người treo băng trước ngực đầu đội mũ lưỡi trai hơi hất ra sau, đôi mắt chăm chú của người nhìn xuống một cách điềm đạm. Cái nhìn dịu dàng làm ấm lòng người dường như nói với chúng tôi: “Các cháu ơi, giá các cháu biết một tương lai đẹp đẽ đến nhường nào đang chờ các cháu !”. Trong phút yên lặng ấy tôi cảm thấy như Người quá đang nghĩ đến tương lai của tôi thật. Bức chân dung in trên loại giấy áp phích thường, những đường gấp đã sờn và mép giấy đã nát bươm, chứng tỏ rằng Duysen giữ bức ảnh đã lâu. Nhưng ngoài tấm chân dung ấy ra, trên bốn bức vách của lớp học không còn gì nữa.

Thầy Duysen nói:

- Thầy sẽ dạy các em biết đọc, biết đếm, hướng dẫn các em viết chữ cái, chữ số. Thầy sẽ dạy các em tất cả những điều mà thầy biết...

Và qua nhiều thầy đã dạy chúng tôi tất cả những gì thầy biết và trong khi dạy bảo chúng tôi, thầy đã tỏ ra kiên nhẫn lạ thường. Cuối xuống sát từng học sinh một, thầy chỉ bảo từng cách cầm bút chì, rồi về sau lại say sưa giảng cho chúng tôi những chữ khó.

Giờ đây nghĩ lại tôi không khỏi ngạc nhiên tự hỏi, làm thế nào người thanh niên biết không được bao nhiêu chữ nghĩa, khi đọc còn phải đánh vần một cách chậm rãi, trong tay không có lấy một quyển sách giáo khoa, ngay đến cả sách vở lòng cũng không có, mà lại dám dấn nhận một công việc thật là to lớn như vậy ? Dạy những đứa trẻ từ đời ông, đời cụ bay tặc tổ nên đều không biết lấy một chữ cần đòi có phải chuyện đùa đâu ! Và tất nhiên Duyxen cũng không hề có một khái niệm con con nào về chương trình, về phương pháp giảng dạy. Nói cho đúng hơn, Duyxen cũng không hề ngờ rằng trên đời có những thứ đó.

Duyxen đã đem hết năng lực dạy cho chúng tôi, biết được bao nhiêu, thầy dạy bấy nhiêu, dạy tất cả những gì thầy tự cho là cần thiết theo trực giác. Nhưng tôi tin chắc như đinh đóng cột rằng lòng nhiệt tình chân thành của thầy trong công việc dạy dỗ đã chẳng phí hoài.

Thầy Duysen đã lập một chiến công mà không hề biết. Thật vậy, đó là một chiến công, bởi vì chính hồi đó, dưới mái trường này, hay nói cho đúng hơn dưới mái nhà tranh vách đất hơ hoác đến nỗi ngồi trong lớp lúc nào cũng nhìn thấy những đỉnh núi tuyết phủ, một thế giới mới, chưa bao giờ nghe nói đến, chưa bao giờ nhìn thấy, đã mở ra trước mắt chúng tôi, những đứa trẻ của xứ Kirghizi chưa hề bước chân ra khỏi làng.

Chính khi ấy chúng tôi được biết là thành phố Matxcova, nơi Lênin đang sống, lớn hơn Auliat rất nhiều, lớn hơn cả Tasken nữa và trên mặt đất còn có những biển cả rộng hơn cả bình nguyên Talax, trên mặt bể có những chiếc tàu thủy qua lại to như những qua núi. Chúng tôi còn được biết rằng dầu hỏa mà người ta mua ở chợ về là phải lấy từ dưới đất lên. Và chúng tôi đã tin tưởng chắc chắn rằng sau này, khi dân ta đã giàu có hơn, trường chúng tôi sẽ được đặt trong một tòa nhà lớn quét vôi trắng có những cửa sổ rộng và các em học sinh sẽ có bàn ngồi học.

(Chúng tôi mới biết qua loa vắn chữ cái, còn chưa biết viết những chữ “mẹ”, “bô”, đã viết được chữ “Lênin” lên giấy. Vốn từ chính trị của chúng tôi gồm có những khái niệm như “phú nông”, “cổ nông”, “Xô-viết”. Và, thầy Duysen hứa một năm sau sẽ dạy chúng tôi viết từ “cách mạng”).

Nghe thầy Duysen kể chuyện, chúng tôi ngỡ như mình đang cùng thầy đánh đồng dẹp bạc bắc tiểu trừ quân

bạch vè. Còn khi ke vè Lênin, thầy bồi hồi xúc động như thể chính mắt thầy đã được thấy Người. Bây giờ thì tôi đã hiểu rằng nhiều điều thầy kể lại là những chuyện truyền khẩu đã hình thành trong dân gian về vị lãnh tụ vĩ đại, nhưng đối với chúng tôi, những người học trò của thầy Đuysen hồi ấy, thì đó là những sự thật hiển nhiên, như thê sữa bao giờ cũng trắng.

Có lần chúng tôi hỏi thầy một câu hoàn toàn không có ẩn ý gì bên trong cả:

Thưa thầy, thầy vẫn thường được bắt tay Lênin chứ à?

Thầy buồn bã lắc đầu đáp:

- Không, các em à, thầy chưa được nhìn thấy Lênin bao giờ cả.

Thầy thờ dãi ân hận như người có lỗi - thấy thầy ngượng với chúng tôi.

Cứ cuối mỗi tháng thầy Đuysen lại lên huyện có việc. Thầy đi bộ và thường hai ba ngày sau mới về.

Trong những ngày đó, chúng tôi buồn lắm. Dù là anh ruột tôi, có lẽ tôi cũng chẳng nóng lòng mong ngóng như mong thấy Đuysen về trong những ngày ấy. Tôi lên trôn thím tôi chạy ra sau nhà và đứng hồi lâu nhìn về phía con đường cái chạy qua thảo nguyên: bao giờ bóng thầy Đuysen với chiếc dây vai sau lưng mới hiện ra, bao giờ tôi mới được nhìn thấy nụ cười

ấm áp của thầy, bao giờ mới được nghe những lời lẽ vẫn đem lại cho chúng tôi những hiểu biết mới mẻ ?

Trong số học sinh của thầy tôi là đứa lớn nhất. Có lẽ vì thế nên tôi học khá hơn những học sinh khác, mặc dù tôi vẫn nghĩ đó không phải là những nguyên nhân duy nhất. Mỗi lời thầy giảng, mỗi chữ thầy viết – tất cả đối với tôi đều thiêng liêng. Và trên đời này tôi không hề biết có gì quan trọng hơn là hiểu cho được những điều thầy dạy. Tôi muốn gìn giữ quyển vở của thầy, cho nên tôi đã lấy mũi liềm tập viết những chữ cái ra đất, dùng than viết trên vách, lấy que viết trên mặt tuyết, trên bụi đường. Tôi cảm thấy trên đời này không có ai học rộng và thông minh hơn thầy Đuyxen.

Tiết trời đã sắp sang đông.

Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi. Nhưng về sau không thể nào lội qua được nữa, vì nước băng lạnh buốt còng cả chân. Khó nhất là những em nhỏ, thậm chí chúng phải phát khóc lên. Những lúc ấy, thầy Đuyxen đã bế các em qua suối. Lưng thì còng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.

Giờ đây nhớ lại cảnh xưa, thấy khó lòng mà tin được rằng tất cả những điều đó là có thực. Nhưng lúc bấy giờ, không biết vì ngu dốt hay vì nông nổi, người

ta đã cười thầy Duysen, nhất là bọn nhà giàu thường trú qua mùa đông ở trên núi và chỉ xuống làng khi cần xay thóc. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ, đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, nghe nghe trên những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thầy Duysen rồi bỏ đi. Một tên trong bọn cười nắc nẻ và huých tay tên đi bên cạnh nói:

- Đưa thì công, đưa thì bé, trông đã hay chưa !

Và tên kia ghìm con ngựa đang thở phì phì, nói thêm:

- Ôi, thật đáng tiếc, sao mình không biết trước, lấy vợ lẽ là phải chọn những người như thế !

Rồi chúng quát cho ngựa chạy làm nước và bùn bắn tung tóe lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.

Sao lúc đó tôi muốn đuổi theo những con người ngu xuẩn ấy thế, muốn nắm lấy cương ngựa và quát thẳng vào những bộ mặt lão xược của họ: "Các người không được nói thầy giáo của chúng tôi như thế ! Các người ngu lắm, các người tồi lắm".

Nhưng liệu có ai chịu nghe lời một con bé thơ dại như tôi ?

Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi. Còn thầy Duysen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết. Thường là thầy nghĩ ra một

câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự.

Thầy Duysen có cố gắng bao nhiêu cũng vẫn chưa kiếm đủ gỗ để bắc một chiếc cầu nhỏ qua suối. Có lần ở trường về, sau khi đã đưa hết các em nhỏ sang, tôi cùng với thầy Duysen dừng lại bên bờ suối. Chúng tôi quyết định lấy đá và những tảng đất cỏ đắp thành các ụ nhỏ trên lòng suối để bước qua cho khỏi bị ướt chân.

Thật ra thì bà con trong làng chỉ cần tập hợp lại và cùng nhau bắc qua suối đôi ba cây gỗ là trong nháy mắt đã có chiếc cầu cho các em đi học. Nhưng số là vì hồi ấy người ta vẫn còn u mê nên coi nhẹ việc học hành và khá ra thì cũng chỉ cho thầy Duysen là một con người hết sức gần gũi không biết làm gì khác nên phải bày trò nhì nhằng với bọn trẻ con. Thích thì dạy, không thích thì đuổi chúng về nhà. Bản thân họ bao giờ cũng đi ngựa nên chẳng cần đến cầu. Nhưng dù sao dân làng chúng tôi tất nhiên rồi cũng phải suy nghĩ vì đâu người thanh niên ấy, vốn chẳng thua kém gì ai và cũng không ngu ngốc hơn những người khác, lại phải chịu khó, chịu thiệt, phải nghe những lời châm chọc, nhạo báng để dạy cho con cái họ học, mà lại dạy với một ý chí kiên trì hiếm có, với một quyết tâm phi thường như thế ?

Hôm chúng tôi xếp đá qua dòng nước, tuyết đã phủ đầy trên mặt đất và nước buốt đến chết cứng đi được. Tôi không tưởng được thầy Duysen làm thế nào

chịu nổi - vì thầy tôi đi chân không, làm không ngại tay. Tôi chặt vật đặt chân xuống suối, tưởng chừng như lòng suối rải đầy than hồng nóng bỏng. Bỗng dưng đến giữa suối tôi bị chuột rút ở chân, người co rúm lại. Tôi không thể kêu lên một tiếng, cũng không thể đứng thẳng lên được nữa và từ từ ngã xuống nước. Duysen lẳng tảng đá đi, nhay ngay lại bên tôi, đỡ tôi lên tay, rồi bế tôi chạy lên bờ và lột chiếc áo choàng đặt tôi ngồi vào đấy. Thầy hết xoa hai chân đã tím bầm, cứng đờ như gỗ của tôi, lại bóp chặt đôi tay lạnh cóng của tôi trong lòng bàn tay mình, rồi đưa lên miệng hà hơi ấm cho tôi.

Thầy Duysen khẽ nói:

- Antunai, em ngồi đây cho ấm, đừng xuống nữa. Một mình thầy làm cũng đủ...

Cuối cùng khi những chỗ đặt chân xếp đã xong. Duysen vừa xỏ chân vào ủng, vừa nhìn nét mặt íu xiu, tái mét của tôi và mỉm cười hỏi:

· Thế nào, cô em giúp việc, đã đỡ rét chưa ? Khoác cái áo choàng lên, thế... thế ! - Thầy yên lặng một lát rồi hỏi: - Antunai, lần ấy có phải em trút lại *kigiác* ở trường không ?

- Vâng ạ, - tôi đáp.

Thầy hơi nhếch mép mỉm cười, như thế tự nhủ: "Mình đoán đúng mà !".

Tôi còn nhớ lúc ấy máu dồn lên má tôi nóng ran: như vậy nghĩa là thầy đã biết và chưa quên một điều tương như nhỏ mọn ấy. Tôi sung sướng quá, lịm cả người đi và Đuyxen cũng hiểu niềm hân hoan của tôi.

- Dòng suối trong trẻo của thầy, - thầy âu yếm nhìn tôi nói, - em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em còn sẽ khá hơn biết chừng nào ?

Đuyxen bước nhanh lên bờ.

Và giờ đây tôi mừng tượng thấy thầy đang đứng trước mặt tôi, như lúc bấy giờ thầy đã đứng giữa dòng suối đã đang réo lên âm âm, hai tay để sau gáy và đôi mắt long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít đang bị gió thổi cuốn qua các ngọn núi.

Thầy nghĩ gì khi ấy ? Có thể thầy đang mơ tưởng cho tôi ra một thành phố lớn học thật chẳng ? Còn tôi, lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Đuyxen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi ! Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thi với thầy những lời đẹp đẽ nhất ! Trời ơi, ước gì thầy Đuyxen là anh ruột tôi !”.

Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy. Còn

có cái gì khác bất chúng tôi ngày nào cũng đi xa, leo đồi lội suối, hạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cơn tuyết như vậy được nữa ? Chúng tôi tự nguyện đến trường, không ai phải xua chúng tôi đến cả. Không ai có thể buộc chúng tôi phải chịu cồng trong căn nhà kho lạnh lẽo: tuy ngồi trong nhà, mà mỗi khi thở ra là hơi giá bám trắng xóa cả mặt mũi, tay chân, quần áo. Chúng tôi chỉ dám thay phiên nhau đứng sưởi cạnh lò, còn tất cả dành ngồi tại chỗ nghe thầy Duysen giảng bài.

Vào một trong những ngày giá buốt ấy – tôi còn nhớ là khoảng cuối tháng giêng. – Duysen, vẫn như thường lệ, đến từng nhà tập hợp tất cả chúng tôi lại và dẫn tới trường. Thầy lặng lẽ bước đi, không nói một lời, vẻ nghiêm nghị, đôi lông mày nhíu lại như đôi cánh chim ưng và nét mặt sắt lại như luyện bằng thép. Chưa bao giờ chúng tôi nom thấy thầy như vậy. Chúng tôi liếc nhìn thầy rồi cũng đều im lặng: chúng tôi cảm thấy có điều gì không lành.

Mỗi khi trên đường đi có những đống tuyết lớn là thấy Duysen thường đi trước để mở đường, tôi đi theo sau thầy, rồi đến các bạn khác. Lần này cũng thế; ở chỗ chân gò đê qua tuyết xuống nhiều nên Duysen lại đi trước. Đôi khi chỉ cần nhìn vào lưng một người nào ta đã có thể đoán biết ngay được tâm trạng họ ra sao, có những cảm xúc gì đang diễn ra trong lòng họ. Lúc đó cũng vậy, có thể thấy rõ thấy Duysen đang có

điều gì đau buồn vô hạn. Đầu thầy cúi gằm xuống, hai chân lê đi một cách khó nhọc. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi cái cảnh khủng khiếp của những màu đen, màu trắng lẫn lộn tiếp theo nhau trước mắt tôi. Chúng tôi nối đuôi nhau leo lên đồi. Dưới chiếc áo choàng màu đen, lưng thầy Duysen khom hằn lại và trên đỉnh dốc nhấp nhô những đống tuyết trắng trông như những cái bướu lạc đà, gió vẫn cuộn cuộn thổi hất tuyết từ các ụ đó xuống. Và cao hơn nữa – trên bầu trời trắng nhờ nhờ lơ lửng một đám mây đen cô độc.

Khi chúng tôi tới trường thầy Duysen không nhóm lò sưởi.

Thầy nói:

- Các em đứng đây !

Chúng tôi đứng đây.

Bỏ mũ xuống.

Chúng tôi ngoan ngoãn nghe theo và thầy cũng bỏ chiếc mũ kỵ binh ở trên đầu xuống. Chúng tôi không hiểu tại sao phải làm như thế. Lúc đó thầy cất giọng khàn khàn nói dứt quãng:

- Lênin đã mất. Giờ đây trên khắp quá đất đang mặc niệm Người. Các em cũng hãy đứng tại chỗ và yên lặng. Các em hãy nhìn lên đây, nhìn bức chân dung này. Các em hãy ghi nhớ lấy ngày hôm nay.

Toàn trường chúng tôi lặng ngắt đi, tương chừng như đã bị vui kín dưới tuyết. Có thể nghe thấy tiếng gió lùa qua các kẽ hở. Có thể nghe thấy cả tiếng những bông tuyết rơi nhẹ nhẹ xuống mai rơm.

Trong giờ phút ấy, trong khi tất cả các thành phố vốn nhộn nhịp đều đã lặng đi, trong khi những công xưởng đã làm rung chuyển cả mặt đất đã im bật tiếng máy, trong khi những đoàn tàu lăn bánh âm ầm bồng bồng đứng lặng yên trên các đường sắt, trong khi toàn thể giới đang chìm sâu trong tang tóc, trong giờ phút đau thương đo thấy trò chúng tôi, một bộ phận nhỏ bé của toàn dân, cũng đang nín thở, nghiêm trang đứng mặc niệm trong căn nhà kho lạnh giá không hề ai biết tới, được gọi là trường học ấy, để vinh biệt Lênin, thậm chí mình là những kẻ thân thuộc nhất của Người và thương tiếc Người hơn ai hết. Còn Lênin của chúng tôi vẫn vạm chiếc áo dài quần nhàn hơi rộng với cánh tay bị thương treo ngang trên ngực, vẫn từ trên vách nhìn xuống chúng tôi, cái nhìn trong sáng vẫn như nơi với chúng tôi: “Các cháu ơi, giá các cháu biết một tương lai đẹp để nhường nào đang chờ các cháu !” Và tôi co cảm giác rằng trong giây phút yên lặng đó Người đang nghĩ về tương lai của tôi thật.

Sau đó thấy Đuyxen đưa ống tay áo lên lau nước mắt và nói:

– Hôm nay thầy phải lên huyện. Thầy đi để gia nhập Đảng. Ba ngày nữa thầy sẽ về.

Đối với tôi ba ngày đó mãi mãi là những ngày lặng lẽ nhất trong những ngày đông tháng giá mà tôi phải chịu đựng. Dường như có những sức mạnh hùng vĩ nào của thiên nhiên đang muốn ra sức thay thế trên mặt đất con người vì đại vịnh đã đi khỏi thế giới của chúng ta: gió không ngừng thổi róc lên từng cơn, bão tuyết cứ quay cuồng không ngớt, băng giá kêu lạnh lạnh như tiếng sắt... Sức mạnh của thiên nhiên không sao yên được: nó lỏng lẻo, vật vờ trên mặt đất, khóc than nức nở.

Lang tôi chum lặng dưới chân những ngọn núi lơ mơ tôi sẫm giữa các tầng mây mù bay la là sát đất. Nhưng làn khói trắng nhỏ toa ra từ các ống khói ngồn ngồn. Không một ai lộ ra khỏi nhà. Hơn nữa lũ chó sói đôi bóng trở nên liêu linh. Ban ngày chúng trắng trợn hoành hành trên các ngã đường, tối đến chúng sục sạo ở ngay cạnh lang và suốt đêm cho tới sáng cứ tru lên đôi khát, điên dại.

Không hiểu sao tôi cứ lo thay cho thấy chúng tôi không có áo lông, chỉ mặc phong phanh chiếc áo choàng bộ đội ấy thì thấy làm sao chịu được cơn rét này ? Và đến ngày Đuyxen phải về, tâm can tôi cứ như lửa đốt: lòng tôi đã cảm thấy có điều gì chẳng lành. Chốc chốc tôi lại chạy ra sân, nhìn ra cánh thảo nguyên vắng vẻ phủ đầy tuyết trắng xem thấy giáo có xuất hiện trên đường cái không. Nhưng vẫn không có lấy một bóng người.

“Thầy ơi, thầy ở đâu ? Em van thầy, thầy đừng về khuya đấy, về nhanh lên thầy ! Chúng em đang đợi thầy đấy, thầy có nghe thấy không ? chúng em đang mong ngóng thầy về”.

Nhưng thảo nguyên không hề đáp lại tiếng gọi, thăm lảng của tôi và không hiểu sao tôi òa lên khóc nức nở.

Thím tôi đã phai bạc mình vì tôi cứ ra vào mãi. Rồi thím giơ ngón tay lên đe tôi:

Hôm nay mày có để cho cái cửa được yên không nào ? Ngồi ngay vào một chỗ, cầm lấy ống sợi mà quay. Mày làm cho mấy đứa trẻ chết công lên rồi đấy. Có giới cứ nhảy ra ngoài một lần nữa tao xem nào !
Va thím không cho tôi ra khỏi nhà nữa.

Trời đã sẩm tối, thế là tôi không được biết thầy đã về hay chưa. Vì thế tôi không thể nào ngồi yên được. Khi thì tôi tự an ủi rằng Duysen chắc đã về đến làng rồi vì chưa lần nào thầy trở về lỡ hẹn cả. Khi thì tôi lại chợt nghĩ hay thầy bị ốm nên phải đi chậm, hễ trời nổi cơn bão tuyết lên là đêm hôm thế này chẳng mấy chốc thầy sẽ bị lạc trên thảo nguyên. Tôi không sao làm việc được nữa không sao điều khiển nổi hai cánh tay, sợi cứ đứt luôn, làm cho thím tôi điên tiết lên.

Hôm nay mày làm sao thế ? Tay mày là tay gỗ hay sao ? – thím tôi càng nói càng nổi xung, mắt lườm

tôi. Cuối cùng không sao chịu được nữa, thím quát: – Ô, sao mày không chết quách đi cho rảnh ! Tốt hơn hết là mày xéo đi, mang trả cho bà cụ Xaikan cái bao tải.

Thiếu chút nữa tôi đã nhảy cẫng lên vì vui sướng. Thầy Duysen lại ở ngay nhà bà cụ Xaikan. Hai ông bà Kartanbai và Xaikan vốn có họ xa với mẹ tôi. Trước đây tôi vẫn thường lui tới chỗ hai cụ, đôi khi tôi còn ngủ lại đấy nữa. Không hiểu thím tôi có nhớ tới chuyện đó hay trời xui khiến thím ấy. Thím vừa dúi cái bao tải vào tay tôi vừa nói thêm:

– Hôm nay mày làm tao phát ngứa lên, như trong những năm đói cụ phải ăn cám mãi ấy. Cút đi ngay, nếu ông cụ bà cụ cho ngủ thì ở quách lại đằng ấy. Đi cho khuất mắt tao ..

Tôi chạy vụt ra sân. Gió cứ điên cuồng lồng lộng như một lão phù thủy hung dữ: nó sặc sụa một lát, rồi phản phất thổi hất tung những nắm tuyết lạnh buốt vào khuôn mặt nóng bừng của tôi. Tôi cặp chặt chiếc bao tải vào nách và chạy một mạch theo những vết chân ngựa thừa thớt còn mới nguyên đến cuối làng. Trong đầu tôi bấy giờ chỉ có một ý nghĩ duy nhất: “Đã về chưa, thầy giáo đã về chưa ?”.

Tôi chạy tới nơi, nhưng không thấy thầy đâu. Thấy tôi im thin thít đứng ngoài ngưỡng cửa, thờ hồn hèn, bà cụ Xaikan lo sợ hỏi:

– Cháu làm sao thế ? Sao cháu phải chạy học tốc thế ? Có chuyện gì chẳng lành phải không ?

– Không ạ, chẳng sao đâu ạ. Cháu mang cái bao tải đến đây này. Bà cho cháu ở lại đây tối nay được không ?

– Cháu quý của bà, cháu cứ ở lại đây. Trời ơi, con ranh này làm cho hoảng cả lên, sao từ mùa thu đến giờ chả thấy cháu thò mặt đến ? Cháu ngồi lại gần lửa mà sưởi cho ấm.

Ông cụ Kartanbai đang ngồi cạnh cửa sổ vá mấy chiếc ủng cũ nói vọng ra:

Này, bà nó nay, đem thịt rang lại cho cháu gái nó ăn đi. May ra Đuysen cũng sắp về rồi đấy. Lẽ ra anh ấy phải về từ lâu rồi, nhưng không sao, anh ấy sắp về đấy, cũng mới bắt đầu tối thôi. Con ngựa nhà này phóng nước mã hồi nhanh lắm.

Ngoài cửa sổ trời đã tối sẫm lại từ lúc nào không biết. Trong lòng tôi cứ thấp thỏm không yên. Mỗi khi nghe thấy tiếng chó sủa hay tiếng người nói vọng vắng là tôi im lặng đi. Nhưng thấy Đuysen vẫn chưa về. May sao bà cụ Xaikan luôn miệt mài nói chuyện này chuyện nọ, thành thử cũng đỡ sót ruột.

Chúng tôi cứ thế đợi thấy Đuysen hết giờ này sang giờ khác, nhưng tới gần nửa đêm ông cụ Kartanbai cũng đã mệt và bảo bà cụ:

Thôi, bà nó trai giường đi. Anh ấy chả về tới nay đâu khuya rồi. Các ông lãnh đạo ấy khỏi việc ra, chắc lại giữ anh ta lại thôi, không thì anh ấy đã về đến nhà từ lâu rồi.

Ông cụ lên giường ngủ.

Bà cụ dọn chỗ nằm cho tôi trong góc nhà sau lò sưởi. Nhưng tôi không tài nào chợp mắt được. Ông cụ cứ ho húng hắng, trở mình thì thắm độc kinh, rồi lo lắng lâm bâm:

Cha hiếu con ngựa của mình ra sao ? Đến năm có cũng chẳng ai cho không, còn lúa thì dù có tiền cũng chẳng mua được cho no an.

Cha mấy chốc cụ Kartanbai đã ngủ say. Nhưng ngoài trời gió vẫn không dịu xuống. Gió sục sạo trên mái nhà, lùa những đuôi mái tranh ở đầu hồi bay lật phật, quạt từng trận vào cửa kính. Nghe thấy cả tiếng tuyết rơi đập vào tường ở mé ngoài.

Lời nói của ông cụ cũng chẳng làm tôi yên tâm được. Tôi cứ có cảm tưởng là thấy giáo sắp về đến nơi và tôi cứ nghi mải về thầy, hình dung thấy thầy đang trên đường về, ở giữa cánh đồng tuyết phủ mênh mông. Tôi cũng không hiểu tôi chợp mắt ngủ được bao lâu, nhưng bỗng có cái gì khiến tôi phai cất đầu lên khỏi mặt gối. Có tiếng tru ú ở chuyền đi trên mặt đất rồi mất hút trong thinh không. Chó sói ! Và không phai chỉ một con, mà cả một bầy. Lũ chó sói gọi nhau

ơ từ phía, rồi dồn lại rất nhanh. Những tiếng tru của bảy sói quyện lại với nhau thành một tiếng rống kéo dài hòa theo gió vang đi khắp thảo nguyên, khi xa dần, khi gần lại. Có khi tương chừng luẩn quẩn đầu đây, ngay bên cạnh, ngay ngoài đầu làng.

– Tiếng sói gọi bão đấy ! – Bà cụ thì thầm.

Ông cụ im lặng lắng tai nghe, rồi nhảy từ trên giường xuống.

– Không, bà nó à, không phải chỉ có thế đâu ! Chó sói đang rượt theo ai. Chúng nó vây người hay ngựa đấy. Thấy không ? Cầu chúa phù hộ cho Duysen tai qua nạn khỏi. Anh ấy chẳng biết lo nghĩ gì cả, anh ấy còn trẻ người non dạ quá thôi ! – Ông cụ Kartanbai đứng phắt dậy, tìm cái áo lông trong bóng tối. – Đèn đâu, bà nó ơi, thắp cái đèn lên ! Trời ơi nhanh lên !

Chúng tôi run cầm cập vì sợ hãi và choàng dậy. Trong lúc bà cụ Xaikan tìm được đèn, đang thắp lên thì tiếng chó sói rống bỗng cầm bật, như bị cắt ngang.

Lũ sói chết tiệt chộp được mồi rồi. – Ông cụ Kartanbai thét to lên, vớ lấy chiếc gậy toan chạy ra cửa, nhưng vừa lúc ấy lại có tiếng chó sủa. Có tiếng đế giày bước lạo xạo trên mặt tuyết, có ai chạy qua dưới các cửa sổ, rồi có tiếng gõ mạnh, dồn dập vào cánh cửa.

Hơi lạnh ở bên ngoài lùa vào phòng thành một đám mây dày đặc. Khi đám mây đó đã tan hết, chúng

tôi mới nhìn thấy Duysen. Mặt xám ngắt, thở hỗn hển, thấy lão đảo bước qua ngưỡng cửa, rồi ngã lưng dựa vào tường.

- Súng ! - Duysen nói trong tiếng thở phào. Nhưng chúng tôi hầu như không hiểu thầy định nói gì. Mắt tôi tối sầm lại, rồi tôi chỉ còn nghe thấy hai cụ vừa khóc vừa than-thở.

- Xin cúng một con cừu đen, xin cúng một con cừu trắng ! Thôi nhớ đức Baubédin phù hộ cho anh. Có phải anh đấy không ?

- Súng, đưa súng đây cho tôi ! - Thầy Duysen nhắc lại.

- Không có, anh định làm gì đấy, anh đi đâu ?

Ông cụ và bà cụ mỗi người bám lấy một bên vai thầy Duysen.

- Đưa cho tôi cái gậy vậy !

Nhưng hai cụ khẩn khoản nói:

- Chừng nào chúng tôi còn sống, anh không được đi đâu cả, không đi đâu nữa. Thà anh giết chúng tôi ngay tại chỗ còn hơn.

Tôi bỗng thấy người mệt lả rã rời, đánh lạng lè nằm xuống giường.

Tôi không kịp... chúng đã đuổi sát đến tận nhà thầy Duysen vừa thở hỗn hển vừa nói rồi lẳng chiếc

roi da vào góc nhà. – Dọc đường về ngựa đã kiệt sức, rồi lại bị chó sói đuổi nó vừa chạy đến đầu làng thì ngã gục xuống. Lũ chó sói nhảy xổ ngay tới.

– Thôi kệ xác nó, quý hồ anh còn sống là được rồi. Con ngựa mà không quy xuống thì chúng nó cũng chẳng tha cho anh về đâu. May mà đức Baubêdin phù hộ cho nên mới được như thế. Bây giờ cởi áo ra, ngồi lại gần lửa mà sưởi. Đưa tôi thảo ứng cho cụ Kartanbai lảng xãng bên cạnh Đuyсен nói, – còn bà lão xem có gì ăn đem ra hâm lại đi.

Họ ngồi xuống cạnh lửa và bảy giờ cụ Kartanbai mới thở phào nhẹ nhõm.

– Thôi, cái gì trời đã định là không sao tránh khỏi. Nhưng sao anh lại ra về muộn thế ?

Thưa bác, hội nghị ở ủy ban huyện bị kéo dài. Cháu vào Đảng rồi.

– Hay lắm. Nhưng sáng hôm sau hãy về có phải hơn không, nào có ai bắt anh phải về ngay đâu.

– Cháu đã trót hứa với các em là sẽ về hôm nay.

– Thầy Đuyсен đáp. – Mai phải bắt đầu học rồi.

– Ôi, thật là ngốc ! – Cụ Kartanbai nhóm cả người dậy và bực dọc lắc đầu. – Nay, bà già nó ơi, thử nghe xem: anh ấy đã trót hứa với lũ trẻ con, với cái bọn nhãi ấy mất rồi ! Thế nhờ mệnh hệ nào thì sao há ! Mà anh có hiểu là anh đang nói gì không ?

- Đây là bộn phận của cháu, nhiệm vụ của cháu bác ạ. Nhưng còn cái này bác thử nghĩ xem: thường cháu vẫn đi bộ, thế mà lần này, không biết ma quỷ nào xui khiến cháu mượn của bác con ngựa để đem cúng cho lù sói...

Cụ Kartanbai cúi kinh nói:

- Nhưng tôi không nói chuyện ấy. Con ngựa chết tiệt ấy mất đi thì mặc xác nó. Coi như nó hiến thân để chuộc mạng cho anh ! Trước kia hàng bao nhiêu năm tôi không có ngựa, thì bây giờ mất ngựa cũng chẳng sao. Chính quyền Xô-viết còn thì tôi còn làm ra được.

- Ông già nói phai đấy. - ba cụ Xaikan tiếp lời, giọng đầy nước mắt. Chính quyền Xô-viết còn là ta sẽ còn làm ăn được... Nay, ăn đi con, kéo nguội mất.

Họ yên lặng. Một lát sau cụ Kartanbai vừa cười thài hồng ra, vừa nói, vẻ trầm ngâm:

Anh Đuysen, tôi xem anh cũng không đến nỗi đần độn mà lại con thông minh nữa là khác. Nhưng tôi vẫn không hiểu được tại sao anh cứ bịn rịn với cái trường này, với bọn trẻ con khờ dại ấy ? Hay anh không kiếm được nghề nào khác ? Anh cứ đi chân cừu thuê cho người ta cũng sẽ được no ấm chán...

Bác ạ, cháu hiểu rằng bác chỉ mong điều lành cho cháu. Nhưng nếu những trẻ thơ dại kia sau này cũng cứ nói như bác cần gì trường học, cần gì phải đi học, thì sự nghiệp của nhà nước Xô-viết sẽ chẳng

nhích đi được bao xa. Thế nhưng bác lại muốn sao cho chính quyền Xô-viết đứng vững, sao cho nó sống mãi. Chính vì vậy nên đối với cháu trưởng học không phải là gánh nặng bác ạ, giá cháu dạy được cho các em học thật tốt thì cháu không còn mơ ước gì hơn nữa. Chính Lênin đã từng nói...

– Ừ thì tiện anh nói... – Cụ Kartanbai chặn lời Duysen, yên lặng một lát rồi nói tiếp: Đây, anh cứ đau buồn thương tiếc mãi. Nhưng nước mắt cũng chẳng làm cho Lênin sống lại được ! Hừ, giá có được phép lạ ấy ! Hay là anh tưởng những người khác không hề buồn, không hề đau khổ chăng ?... Anh thử nhìn vào tận trong lồng ngực tôi mà xem tìm tôi cũng ứa máu ra chứ có phải không đâu. Tôi không biết làm như vậy có hợp với cái chính trị của anh không, chứ mặc dầu Lênin là người khác tín ngưỡng, tôi cứ mỗi ngày năm lần cầu nguyện cho Người. Anh Duysen ạ, có khi tôi lại nghĩ rằng dẫu chúng ta khóc Người bao nhiêu chăng nữa cũng chẳng được ích gì. Anh Duysen ạ, tôi cứ tự phán đoán theo lối các cụ thế này: Lênin bao giờ cũng sống mãi trong nhân dân và cứ theo dòng máu lưu truyền từ đời cha đến đời con...

– Thật cháu xin cảm ơn những lời bác nói. Bác nghĩ đúng lắm. Lênin tuy mất rồi, nhưng chúng ta sẽ noi gương Người mà sống.

Trong khi nghe cụ Kartanbai và Duysen nói chuyện với nhau tôi hoàn hồn dần: hồn vía tôi từ một

nơi nào xa lắm từ từ trở lại. Thoạt đầu tất cả những việc xảy ra hết như một giấc mơ. Mãi tôi vẫn chưa tin được rằng Duysen đã về, vẫn còn sống và vẫn lành lặn. Rồi một nguồn vui bỗng bật, chan hòa như dòng nước lũ mùa xuân tràn vào tâm hồn tôi, rồi dường như chìm ngập trong dòng tình cảm nóng hổi đó, tôi òa lên khóc nức nở. Có lẽ chưa có ai qua những phút mừng rỡ như tôi lúc bấy giờ. Trong giây phút đó đối với tôi không còn gì tồn tại nữa: kể cả túp lều vách đất, cả đêm bão tuyết ngoài sân, cả đàn sói đang xâu xé con ngựa duy nhất của cụ Kartanbai ở đầu làng. Không có gì nữa hết ! Tất cả tâm hồn, ý nghĩ, cả con người tôi đều tràn ngập một niềm hạnh phúc phi thường, không lường hết được, vô tận, vô cùng như vũ trụ. Tôi trùm chăn kín đầu và bịt chặt miệng lại để đừng ai nghe thấy tiếng khóc của tôi. Nhưng thầy Duysen đã hỏi:

Ai khóc thút thít sau lò sưởi thế ?

Bà cụ Xaikan đáp:

- Antunai đấy mà, lúc này nó sợ quá nên đang khóc đấy.

- Antunai à ? Em ấy ở đâu đến đây ? -- Thầy Duysen đứng phắt dậy chạy lại quỳ xuống đất ngay cạnh đầu giường tôi rồi khẽ chạm tay vào vai tôi:

- Antunai làm sao thế ? Tại sao em khóc ?

Tôi quay mặt vào tường và càng khóc to hơn trước.

Sao thế, sao em sợ đến thế ? Em đã lớn rồi kia mà, sao lại thế... nào, nhìn thầy này...

Tôi ôm chặt lấy thầy Duysen, áp chặt đôi má nóng bừng, ướt đẫm nước mắt vào vai thầy giáo và khóc nức nở, không tài nào tự chu được nữa. Niềm vui sướng tràn ngập tâm hồn tôi, tôi run lên như trong cơn sốt và không còn đủ sức để kìm lại nữa.

- Ừ... hẳn là con bé hồn xiêu phách lạc đi đâu hết. Cụ Kartanbai cũng đâm lo và đứng dậy. - Kia, bà khăn khứa cho nó một tí, nhanh lên nào...

Và cả hai cụ bỗng tíu tít cả lên. Bà cụ Xaikan thì thắm mấy câu thần chú, rồi vẩy hết nước lạnh đèn nước nóng vào mặt tôi, xông hơi cho tôi và cũng khóc òa lên cùng với tôi.

Trời ơi, giá các cụ hiểu được rằng tôi “hồn xiêu phách lạc” vì một niềm hạnh phúc lớn lao mà tôi không đủ sức để kể ra có lẽ cũng không tài nào diễn tả nổi.

Thầy Duysen vẫn ngồi cạnh tôi, đưa bàn tay mát lạnh vuốt nhẹ lên vầng trán nóng hổi của tôi cho đến lúc tôi nín hẳn và ngủ thiếp đi.



... Mùa đông đã du mục sang bên kia đèo. Mùa xuân đang lùa những đàn gia súc màu xanh của nó đến. Trên những cánh đồng bằng, tuyết đã tan, mặt đất ướt như sũng phù lên từng chỗ. Từ miền ấy, những luồng hơi ẩm bốc lên lùa vào núi, mang theo hơi thơ mùa xuân của đất đai, hương vị của sữa đang lên hơi. Các cồn tuyết cũng xẹp xuống, những tảng băng trên núi đã chuyển mình và các dòng suối đóng băng cũng nứt nẻ, vỡ toác ra, rồi tràn lên, cuộn cuộn chảy thành những thác nước dưng mãnh réo ầm ầm trong các thung lũng.

Có lẽ đó chính là mùa xuân đầu tiên trong thời niên thiếu của tôi. Dù sao đối với tôi nó cũng vẫn đẹp hơn tất cả các mùa xuân trước. Đứng ở trường chúng tôi, từ trên đỉnh đồi, có thể nhìn thấy cả thế giới tươi đẹp của mùa xuân mở rộng ra trước mắt. Mặt đất dường như đang tay chạy từ trên núi xuống và không đủ sức dừng lại nữa, cứ lao vùn vụt vào các vùng xa tắp của cánh thảo nguyên đang lấp lánh như bạc dưới ánh nắng, bao phủ trong một làn hơi huyền ảo. Ở một nơi nào xa tít tận góc biên chân trời có những hồ nước bằng tan xanh biếc, ở một nơi nào xa tít tận góc biên chân trời có những bầy ngựa đang hí lên, trên nền trời xanh đàn sếu bay qua cánh nâng những làn mây trắng. Đàn sếu bay từ đâu tới và gọi lòng người về đâu mà cất tiếng kêu lạnh lạnh buồn buồn như vậy ?

Mùa xuân tới, gieo vui vào lòng chúng tôi. Chúng tôi bày đủ các trò chơi, luôn cất tiếng cười vô cớ, cứ đến giờ tan học, suốt dọc đường về làng, chúng tôi vừa chạy vừa gọi nhau ầm ĩ. Thím tôi rất ghét cái lối ấy và không bỏ lỡ dịp mắng mớ tôi:

– Con đi, may làm gì mà cứ tốn tác lên thế ? May làm bà có thể mãi mà không biết dơ à ? Con nhà có phúc như người ta mà bằng tuổi mày thì cũng đã có chồng có con vui nhà vui cửa từ lâu rồi, còn mày thì... Đằng này lại thích đi học cơ ! Nhưng cứ đợi đấy... bà sẽ cai quản mày...

Thật ra thì tôi cũng chẳng để tâm đến những lời dọa nạt của thím ấy lắm, vì đó không phải chuyện lạ – suốt đời thím ấy chỉ chửi mắng. Còn nói rằng tôi làm bà có thì thật không đúng chút nào. Có điều là mùa xuân năm nay tôi lớn như thổi.

Thầy Duyxen nói đùa tôi:

– Em còn là một cô bé đầu bù tóc rối, mà hình như tóc em lại còn đỏ nữa kia chứ !

Những lời của thầy không làm tôi chạnh lòng chút nào cả. Tôi thầm nghĩ: “tất nhiên mình đầu bù tóc rối thật đấy, nhưng tóc mình chả đỏ tí nào đâu. Rồi đến lúc mình lớn hơn ít nữa, mình sẽ là một cô gái đến tuổi đi lấy chồng, mình chả đầu bù tóc rối thế này nữa đâu. Lúc đó thím cứ thử nhìn xem mình có

xinh không". Thầy Duysen vẫn nói tôi có đôi mắt sáng như sao, có khuôn mặt cười mở thật thà.

Có một lần, khi chạy ở trường về, tôi thấy hai con ngựa lạ đứng ngoài sân. Cứ trông yên ngựa, dây thừng, cũng biết chủ của chúng là những người ở trên núi xuống. Và trước đây cũng có khi họ đã ghé vào nhà chú tôi mỗi khi đi chợ về hay mang thóc xuống xay.

Đứng ngưỡng ngưỡng cửa tôi đã nhói lên vì tiếng cười thiếu tự nhiên của thím tôi:

- Gớm, thôi, đừng lo anh ạ, không nghèo đi đâu mà sợ. Rồi sau này khi con chim non đã cắm chắc trong tay rồi, anh sẽ thăm cảm ơn tôi cho mà xem

hì hì hì ! - Đáp lại lời thím tôi có tiếng văng dạ rồi rít và những tiếng cười ha ha. Đến khi tôi bước vào cửa thì mọi người im bật. Cạnh đồng ni phủ chiếc khăn trải bàn có một người đàn ông to béo phục phịch, mặt đỏ, ngồi chênh ềnh như khúc gỗ. Đầu hắn đội mũ lông chồn che kín cả cái trán nhể nhại mồ hôi. Hắn đưa mắt liếc tôi rồi đằng hắng một cái và cụp mắt xuống.

Thím tôi nhoen miệng cười ầu ỹm, nói:

- Ô, con đã về đấy à, vào đây con !

Chú tôi cũng ngồi cạnh đồng ni với một người lạ mặt. Hai người vừa đánh bài, vừa nhấp rượu với bánh ô mạch. Cả hai đều ngà ngà say và mỗi khi họ quặt bài xuống, đầu họ cứ lắc lư đến kỳ quặc.

Con meo mượn bò lên chỗ khăn trải bàn, nhưng lão mặt đỏ gáp đột ngón tay cộc mạnh vào đầu nó một cái, khiến nó kêu thét lên, rồi nhảy vọt sang một bên và chúi đầu vào xó nhà. Khổ thân con mèo, nó đau quá ! Tôi muốn bỏ đi ngay, nhưng không biết làm thế nào. May vừa lúc ấy thím tôi nói:

- Con ạ, thức ăn ở trong chảo ấy, con ăn đi kẻo nguội.

Tôi bước ra khỏi phòng, trong lòng rất khó chịu với thái độ của thím tôi vừa rồi. Và tôi bắt đầu thấy chột dạ. Tôi bất giác để phòng.

Chung hai giờ sau, hai người khách lên ngựa trở về núi. Lập tức thím tôi lại bắt đầu chửi mắng tôi như thường lệ và tôi thấy đỡ lo. Tôi nghĩ thầm: "tê ra thím có vẻ ôn tồn như vậy chẳng qua vì say rượu thôi".

Ít lâu sau có lần bà cụ Xaikan ghé qua nhà chu tôi. Lúc đó tôi ở ngoài sân, nghe thấy bà cụ nói:

- Lạy trời, mợ làm gì vậy ! Mợ giết nó thôi.

Bà cụ Xaikan và thím tôi lấp cả lời nhau, tranh cái kịch kiệt điều gì và lát sau cụ Xaikan bước ra khỏi nhà, vẻ rất tức giận. Bà cụ nhìn tôi bằng đôi mắt vừa giận dữ vừa thương xót và lặng lẽ ra về. Tôi bỗng thấy bứt rứt trong người. Tại sao cụ lại nhìn tôi như vậy, tôi đã làm gì đến nỗi cụ không hài lòng ?

Ngày hôm sau đến trường tôi nhận thấy ngay thấy Đuyzen ve mặt sa sầm, như đang có điều gì lo nghĩ,

mặc dầu thầy cố giấu đi. Tôi còn nhận thấy một điều nữa là không hiểu tại sao thầy không hề nhìn về phía tôi. Sau buổi học, khi chúng tôi ào ào chạy ra khỏi trường như ong vỡ tổ, thầy Đuysen gọi giật tôi lại:

- Antunai, đứng lại thầy bảo. - Thầy bước lại gần tôi, nhìn chăm chăm vào mắt rồi đặt tay lên vai tôi.
- Em đừng về nhà nữa. Antunai, em có hiểu thầy không ?

Tôi lặng người đi vì kinh hãi. Bây giờ tôi mới hiểu thím tôi định làm gì tôi.

Thầy Đuysen nói:

- Thầy sẽ chịu trách nhiệm về em. Em ở tạm nhà bác Kartanbai với thầy. Và lúc nào cũng phải đi theo thầy.

Chắc hẳn lúc ấy tôi không còn chút máu mặt nào nữa. Thầy Đuysen lấy tay nâng cằm tôi lên, nhìn thẳng vào mắt tôi và mỉm cười như mọi khi:

- Antunai, em đừng sợ ! - Thầy vừa cười vừa nói.

Thầy con ở bên em, thì em không phải sợ ai cả. Em cứ học đi, cứ đến trường như cũ và đừng nghĩ ngợi gì... Vì thầy vẫn biết là em nhất lăm. Và nhân đây thầy kể cho Antunai nghe một câu chuyện mà thầy đã định kể từ lâu - thầy Đuysen lại phì cười, hẳn đang nhớ lại điều gì ngộ nghĩnh. Chắc em còn nhớ có lần cụ Kartanbai dậy thật sớm và biến đi mất ấy. Té ra cụ đi mời... cụ dẫn ai về nhà em có biết không ? - dẫn bà

lang Giainakôva về. Thấy hỏi: “Làm gì thế bác?”. Cụ trả lời là: “Ấy để cho bà ấy cùng bái một chút đi gọi hồn nó về, không thì con bé sợ quá hồn xiêu phách lạc đi đâu mất”. Thấy nói: “Mời bà ấy ra đi, không lại phải cúng cho bà ấy một con cừu mất thôi. Mà nào nhà mình có giàu có gì cho cam. Ngựa cũng chả có mà cúng, có mỗi con thì cúng bầy chó sói mất rồi...”. Còn em thì lúc đó đang ngủ say. Thế là thầy đuổi cố được mẹ thấy cúng ra khỏi nhà. Về sau cụ Kartanbai giận thầy suốt một tuần lễ, không thèm trò chuyện với thầy. Ông cụ nói: “Tôi già cả thế này mà anh còn chơi khăm tôi”. Nhưng ông cụ, bà cụ là những người phúc hậu, hiếm có những người tốt như thế. Thôi bây giờ ta về đi, Antumai...

Dù tôi cố gắng can đảm lên bao nhiêu cho thầy Duysen khỏi bận tâm, những ý nghĩ lo sợ cũng vẫn không buông tha tôi. Vì bất thần lúc nào thím tôi cũng có thể đến cường bức lôi tôi đi. Rồi ở nhà họ muốn làm gì thì làm, không ai ở trong làng cấm được họ cả. Suốt đêm tôi trần trọc không ngủ được vì mãi lo nghĩ tới tai họa sắp đến.

Tất nhiên thầy Duysen hiểu rõ tâm trạng tôi. Cũng có thể vì muốn xua đuổi những ý nghĩ đen tối đó của tôi nên ngày hôm sau thầy mang về trường hai cây phong nhỏ. Sau buổi học, thầy cầm tay tôi dẫn sang một bên.

Thầy mỉm một nụ cười bí ẩn và bảo tôi:

- Antumai, bây giờ thầy với em cùng làm chung một việc. Hai cây phong này thầy mang về cho em đấy. Chúng ta sẽ cùng trồng. Và trong khi chúng lớn lên, ngày một thêm sức sống, em cũng sẽ trưởng thành, em sẽ là một người tốt. Em có một tâm hồn đẹp và một đầu óc ham học. Thầy bao giờ cũng nghĩ rằng em sẽ trở thành người thông thái. Thầy tin như vậy, em ạ, số phận em nhất định sẽ như thế. Em bây giờ trẻ măng như một thân cây non, như đôi cây phong nhỏ này. Antumai ạ, ta sẽ tự tay trồng lấy hai cây phong này. Và mong sao em sẽ tìm thấy hạnh phúc trong học tập, ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ...

Hai cây phong ấy còn non, vừa cao bằng người tôi, thân biêng biếc. Và khi hai chúng tôi đã trồng xuống khoảng đất cạnh trường, từ chân núi đưa lên một làn gió nhẹ, lần đầu tiên chạm vào những khóm lá bé lăn tăn như thổi một luồng sinh khí vào chúng. Mấy khóm lá run rẩy, hai cây phong bắt đầu lay động, rung đưa...

- Em trông, đẹp chưa kia ! - Đuy-sen cười, lùi lại ngắm. - Bây giờ ta hãy đào một đường dẫn nước ở ngọn suối đằng kia về. Rồi em sẽ thấy hai cây phong của chúng ta đẹp đến nhường nào ! Chúng nó sẽ đứng trên ngọn đồi này, sát cánh nhau như hai anh em. Và mọi người sẽ luôn luôn nhìn thấy chúng và những người lành sẽ thấy lòng vui lên khi nhìn thấy chúng.

Đến khi ấy ca cuộc sống cũng sẽ khác, Antunai ạ. Tất cả những gì đẹp nhất đều hãy còn ở phía trước...

Ngay cả bảy giờ tối cũng không sao tìm được những lời lẽ có thể nói lên ít nhiều lòng cảm kích của tôi trước tâm hồn cao thượng của Đuysen. Còn khi ấy, tôi chỉ đứng yên nhìn thấy. Tôi nhìn Đuysen như thế lần đầu tiên tôi được thấy hết vẻ đẹp sáng ngời trên gương mặt thầy, tấm lòng trù mẫn và trung hậu ánh lên trong đôi mắt thầy, dường như trước kia tôi chưa từng biết đôi bàn tay của thầy mạnh mẽ và khéo léo như thế nào trong lao động, nụ cười trong sáng của thầy có sức sưởi ấm lòng người đến nhường nào. Và trong lòng tôi, như một đợt sóng nóng nản, bỗng cuộn lên một tình cảm mới mẻ mà tôi chưa hề biết, từ một thế giới xa lạ nào lan tới. Và cả tâm hồn tôi như vươn mạnh đến Đuysen, để nói với Người: “Thầy ơi, em cảm ơn thầy đã sinh ra với một tâm hồn đẹp đẽ như vậy... Em muốn ôm hôn thầy!”. Nhưng tôi e ngại không dám nói lên những lời ấy. Đáng lẽ tôi nói ra mới phải...

Lúc ấy chúng tôi chỉ đứng yên dưới vòm trời trong sáng giữa vùng đồi xuân xanh mơn mơn, mỗi người theo đuổi một ước mơ riêng. Và giờ phút ấy tôi quên bằng mối nguy cơ đang lơ lửng trên đời tôi. Thậm chí tôi cũng không hề nghĩ xem ngày mai đây cái gì đang chờ đợi tôi và cũng không nghĩ xem tại sao đã hai ngày nay thím tôi không đi tìm tôi. Có lẽ

họ đã quên tôi chăng, hay họ đã đành chịu để mặc tôi. Nhưng thật ra Duyssen lại đang nghĩ đến điều đó.

Em đừng buồn, Antunai ạ, ta sẽ tìm ra lối thoát. – Duyssen nói khi chúng tôi trở về thôn, – Ngày kia thầy sẽ lên huyện. Thầy sẽ bàn việc của em với các đồng chí trên ấy. Có lẽ họ sẽ nghe thầy mà cho em lên tỉnh học. Em có muốn không ?

– Thầy đã nói sao, em cũng xin vâng lời, tôi đáp.

Tuy tôi không hình dung được trên tỉnh ra sao, nhưng những lời của Duyssen nói cũng đủ để tôi ước mơ cuộc sống ở thành thị. Có khi tôi thấy sợ hãi trước cảnh sống xa lạ nơi đất khách quê người, có khi tôi lại quyết tâm ra đi – nói tóm lại bấy giờ trong trí óc tôi không lúc nào không lờn vờn những tính với thành.

Và hôm sau, trong khi ngồi học, tôi cũng chỉ nghĩ đến việc ấy: tôi sẽ sống ở tỉnh ra sao và biết ở nhà ai ? Nếu có ai cho tôi ở nhờ, tôi sẽ bố củi, xách nước, giặt giũ, họ sai gì tôi cũng làm. Tôi đang suy nghĩ liên miên như thế trong khi ngồi học thì bỗng giật mình thảng thốt khi chợt nghe tiếng vó ngựa dồn dập dập sau mấy bức vách ọp ọp của ngôi trường chúng tôi. Những tiếng động ấy đột ngột quá và mấy con ngựa phi nhanh quá, đến nỗi tưởng như chúng sắp xéo bừa lên ngôi trường. Chúng tôi ai nấy đều nín thở, chờ đợi.

- Các em đừng để ý, cứ lo việc của các em đi,
- Đuysen nói nhanh.

Nhưng lúc ấy cánh cửa bỗng mở toang nghe đánh sầm một tiếng và trên ngưỡng cửa thím tôi hiện ra, trên môi nở một nụ cười hả hê nanh ác, đầy vẻ thách thức. Đuysen bước ra cửa.

- Bà đến có việc gì ?

- Đến có việc chẳng dính dáng gì đến mày. Tao đem con tao đi gả chồng. Ê ! Cái con cầu bơ cầu bất kia ! - Thím chồm về phía tôi, nhưng Đuysen đã chặn lối.

- Ở đây toàn là nữ sinh cá, chưa có em nào gả chồng được ! - Đuysen nói, giọng rắn rỏi và điềm tĩnh.

- Để rồi xem. Ê ! Bọn đàn ông ! Bắt lấy con chó chết ấy, lôi nó ra ! Thím tôi giơ tay vẫy một tên trong bọn cưỡi ngựa. Đó chính là cái lão mặt đỏ đội mũ da cáo. Thêm hai tên nữa cầm những chiếc gậy nặng vót nhọn xuống ngựa theo sau lão ta.

- Đồ chó lợn nòi, sao mày lại dám tự tiện xem con gái nhà người ta như vợ mày thế ha ? Thôi cút đi !

Nói đoạn tên mặt đỏ xông vào Đuysen như một con gấu.

Các người không có quyền vào đây, đây là trường học ! Duyсен nói, hai tay nắm chặt lấy thanh cửa.

- Tôi đã bao ma ! - Thím tôi rit lên - Hấn hú hí với con ấy đã lâu. Hấn rú rê con chó đê ấy đèn dây đê hương không !

- Tao nhớ toẹt vào cái trường học của mày ! Lão mât đồ găm lên, tay hoa chiếc roi da.

Nhưng Duyсен đã nhanh tay hơn hẳn. Thấy giờ chao đập mạnh vào bụng hấn. Hấn kêu lên một tiếng va ngã xuống. Ngay lúc ấy hai tên cầm gậy nhọn xông vào Duyсен. Lũ trẻ con kêu rú lên và chạy bỏ về phía tôi. Canh cửa bị xô mạnh vỡ ra từng mảnh. Tôi lao vào đánh nhau, lôi theo cả lũ trẻ đang bấu vào người tôi.

- Buồng thầy giáo ra ! Không được đánh ! Tôi đây, bắt tôi đi chứ không được đánh thầy giáo !

Duyсен quay lại nhìn. Mình mấy Duyсен mẩu me be bết, ve cộm giận trông rất khủng khiếp. Thấy cúi xuống đất lấy một tấm ván khoa lên, quạt:

(Chạy đi các em, chạy về làng ! Antumai, chạy đi ! Tiếng kêu của Duyсен ghen ngao thành tiếng nặc.

Chúng nó đã đánh gãy tay Duyсен: thấy ép cánh tay vào ngực, bước lùi lại, còn bên kia thấy thầy

không còn sức chống cự, liền xông vào đánh thầy, rống lên như một đàn bò đại.

Đánh ! Đánh ! Đập vỡ đầu nó ra ! Đánh chết nó đi !

Thím tôi và lão mặt đỏ hăm hè xông vào tôi. Họ lấy bím tóc của tôi quấn quanh cổ tôi và lôi xềnh xệch ra sân. Tôi cố sức vùng dậy và thoáng một giây tôi trông thấy đám trẻ em đồ người ra gào thét và Đuysen đứng cạnh tường, mình đầy những vết máu đen thẫm.

– Thầy ơi !

Nhưng Đuysen không thể có cách gì cứu tôi được. Thầy hãy còn đứng được, nhưng loạng choạng như người say rượu dưới trận đòn của lũ ác ôn. Mái đầu Đuysen gục xuống ngực, thầy cố ngẩng lên trong khi bọn vô lại ra sức đánh thầy. Bọn chúng vật tôi xuống và trói tay tôi lại. Trong lúc đó Đuysen lăn lộn trên mặt đất.

– Thầy ơi !

Nhưng bọn chúng đã bịt mồm tôi lại và xóc tôi nằm vắt ngang trên yên ngựa.

Lão mặt đỏ đã lên ngựa, hai tay và ngực lão đè lên người tôi. Hai tên đang đánh Đuysen cũng lên yên. Thím tôi thì chạy bên cạnh và nện vào đầu tôi.

- Thấy chưa ! Thấy chưa ! Tao tổng tiền mày đi nữa thế đấy ! Con thang thấy mày thì hết kiếp rồi...

Nhưng không, thấy tôi chưa hết kiếp. Từ phía sau bỗng vang lên một tiếng kêu tuyệt vọng:

- Antô-a-a-ai !

Tôi chột vạt ngang mái đầu đang buông thông bên yên ngựa và nhìn lại, Đuysen đang chạy theo sau. Bị đánh gập chết, máu me bê bết, thấy cam một hòn đá lớn đuổi theo. Và sau lưng thấy, cả lớp cũng vừa kêu khoe vừa chạy theo.

Đứng lại ! Đồ thu dữ ! Đứng lại ! Buông nó ra, buông ra ! Antômai ! - Đuysen đuổi kịp quát lên.

Bọn hung đồ kìm ngựa, hai tên kia cho ngựa quay lại kèm hai bên Đuysen. Đuysen cắn lấy ống tay áo cho cánh tay khỏi vướng, nhắm đích và ném hòn đá, nhưng không trúng. Hai tên kia liền đâm hai nhát gậy nhọn vào Đuysen, khiến thấy ngã xuống một vùng nước. Mất toi hoa lên, tôi chỉ kịp nhận thấy lũ trẻ trường chúng tôi chạy lại chỗ thấy, vẻ sợ hãi.

Tôi không nhớ chúng đem tôi đến đâu và như thế nào. Tôi tỉnh dậy trong một căn lều vải. Những ngôi sao đầu hôm, trầm tĩnh, không chút ưu tư, dòm qua chóp lều dề hơ. Gần đầu dãy một con sông chảy róc rách và nghe văng vẳng có tiếng nói chuyện của những người chân cừu đêm. Bên bếp lửa đã tàn lụi có một bà già lẩm li, người khô đét như que củi đang

ngôi yên. Mặt bà ta đen xạm như màu đất. Tôi ngoảnh đầu sang phía bên kia. Ôi, giá cái nhìn của tôi có thể giết chết được lão ấy !

- Mụ đen, đỡ nó dậy. - Lão mặt đỏ ra lệnh.

Người đàn bà đen cúi đến bên cạnh tôi và đưa bàn tay khẳng kheo lay vai tôi.

- Mụ bảo con bạn mụ cho nó biết điều, không nghe cũng không xong đâu: ta sẽ không nhiều lời với nó.

Hắn ra khỏi lều. Còn người đàn bà, mặt đen xạm thậm chí cũng chẳng buồn nhúc nhích và chẳng nói lấy nửa lời. Có lẽ bà ta cảm chẳng ?... Đôi mắt đỏ dần như màu tro lạnh của bà ta nhìn thần thờ, không biểu lộ một cảm xúc gì hết. Có những con chó bị đánh đập liên miên từ khi còn bé. Những con người độc ác luôn luôn hạ gục vớ nấy đánh vào đầu chúng và chúng cũng quen dần đi. Nhưng trong khóe nhìn của chúng có một vẻ gì âm thầm, trống trải đến nỗi trông mà ghê người. Tôi nhìn vào đôi mắt không hồn của người đàn bà mặt đen xạm và có cảm giác như chính tôi bây giờ cũng không còn sống nữa, tôi đang nằm dưới mộ. Tôi đã sẵn sàng tin như vậy, nếu không có tiếng nước róc rách từ ngoài sông đưa lại. Dòng nước cuộn cuộn vỗ vào các ghềnh đá - nước nó được tự do...

Thím ơi, tâm hồn thím sao mà đen tối đến thế, thím thật đáng muôn đời nguyên rủa ! Hãy chết sặc

trong nước mắt và mau của tôi !... đêm hôm ấy mới mười lăm tuổi đầu, tôi đã không còn là một người con gái trinh trắng nữa... Tôi còn ít tuổi hơn con cái tên hung đồ...

Đến đêm thứ ba tôi nhất quyết trốn đi, dù có sao cũng mặc. Dù có lạc đường hay bị bọn hung đồ đuổi kịp, tôi cũng sẽ chống cự cho đến hơi thở cuối cùng như Đuy-sen thầy tôi.

Trong đêm tối, tôi lặng lẽ lần ra phía cửa lều. Tôi sờ lên cửa thì thấy nó đã bị buộc chặt bằng một sợi dây thừng tết bằng lông đuôi ngựa. Nút dây xiết cứng rắc rối, tôi mọt thế này không thể mở ra được. Tôi ben cổ vén thanh lều lên để tìm cách bò ra ngoài. Nhưng dù tôi cố sức bao nhiêu cũng không sao vén được: ở phía ngoài cũng có những sợi chèo căng sát vách lều xuống đất.

Chỉ còn cách tìm một cái gì sắc cạnh để cắt những sợi dây buộc cửa. Tôi bắt đầu lục lọi chung quanh, nhưng không tìm thấy gì ngoài một cọc gỗ nhọn. Trong cơn tuyệt vọng tôi bắt đầu lấy cọc đào đất dưới vách lều. Dĩ nhiên làm như vậy cũng chỉ uống công, nhưng lúc bấy giờ tôi không còn hay biết gì nữa. Trong đầu tôi chỉ còn một ý nghĩ vô hy vọng - cô thoát ra khỏi chốn này hay là chết, miễn sao đừng phải ở lại đây; có chết thì cũng chết tự do, chết trong khi chống chọi với chúng, chứ không thể chịu khuất phục.

Tôkon nghĩa là vợ lẽ. Ôi, sao tôi cảm thù hai tiếng này đến thế ! Ai đã nghĩ ra hai tiếng ấy, nó sinh ra từ những thời quái gở nào ? Còn gì có thể ô nhục hơn tình cảnh của người vợ lẽ, bị ép buộc một bề, một kẻ tôi mọi cả về thể xác lẫn linh hồn ? Hồi những người khốn khổ kia, hãy tư duy mộ đứng lên, hồi oan hồn của những người đàn bà bị chà đạp, bị lăng mạ, bị tước hết phẩm cách làm người ! Hãy đứng lên, hồi những người bị dọa dẫm hành hạ, hãy lay chuyển bóng tối đen đặc của thời xưa ấy ! Hãy nghe tôi, người cuối cùng trong những người đã bước qua số kiếp ấy !

Đêm ấy tôi có hay đâu rằng sau này tôi sẽ thốt lên những lời kia. Tôi cứ ham hở, mê mãi đào đất dưới vách lều. Mặt đất ở chỗ ấy lồi lõm nhưng đã không sao đào được. Tôi cào bằng móng tay, mấy ngón tay tôi tọe rách rớm máu. Và đến khi lo đào đã vừa rộng để tho tay ra ngoài lều thì trời đã hừng sáng. Cho sủa rần, người ở các lều bên đã bắt đầu thức dậy. Có tiếng vó rầm rập của một đàn ngựa phi qua lều xuống sông uống nước. Những đàn cừu ngái ngủ kéo qua, thở phì phò. Rồi có ai đến cạnh lều, theo cõ những sợi chèo căng ở ngoài và bắt đầu dỡ các tấm ni lợp lều. Đó là người đàn bà mặt đen trầm lặng.

Thế nghĩa là thôn du mục này sắp rời đi nơi khác. Tôi chợt nhớ ra rằng hôm qua tôi tình cờ nghe loáng choáng họ nói sáng nay sẽ dời đến cắm lều ở

trên đèo, tôi chỗ chân tha mới rồi sẽ sang bên kia đèo, đi sâu vào vùng núi ở suốt mùa hè trong ấy. Và tâm hồn tôi lại càng nặng trĩu: từ đây trốn đi còn khó gấp trăm lần.

Lúc này tôi ngồi cạnh lỗ đào ra sao thì bấy giờ tôi cũng vẫn ngồi yên như thế, thậm chí chẳng buồn nhích sang bên nữa. Tôi còn giấu giếm làm gì cơ chứ... Người đàn bà mặt đen có trông thấy chỗ đất bị đào lên dưới vách, nhưng cũng chẳng nói chẳng rằng, tiếp tục làm công việc mình. Và nói chung bà ta luôn có vẻ như không có việc gì dính dáng đến mình cả, như thể không có gì trên đời này có thể gọi lên trong lòng bà ta một mảy may cảm xúc. Thậm chí bà ta cũng không muốn đánh thức chồng dậy, không dám xin hân giúp mình một tay để thu vén lên đường. Hắn đang ngáy như một con gấu, mình ngấp dưới đóng chân và áo khoác.

Những tấm dạ đều đã cuộn lại, lều chỉ còn lại một cái sườn và tôi như ngồi trong một cái lồng nhìn ra ngoài: cách đây không xa, bên kia sông có mấy người đang thẳng yền ngựa và xếp đồ đạc lên lưng bò. Rồi tôi thấy ba người cưỡi ngựa từ đầu bông phi về phía đám người kia và sau khi hỏi họ mấy câu, lại đi về phía lều tôi đang ngồi. Thoạt tiên tôi tưởng họ đi tập hợp mọi người lên đường, nhưng khi nhìn kỹ lại tôi choáng người đi. Đó là Duyxen, còn hai người kia thì đội mũ lưỡi trai công an, mặc áo khoác dính dải khuy đỏ.

Tôi ngồi thừ ra như người chết rồi, thậm chí cũng không kêu lên được nữa. Tôi mừng quỳnh lên: thầy tôi vẫn sống ! - và đồng thời tôi bỗng thấy lòng tôi như trống hoác ra: nay tôi đã là một kẻ bỏ đi, một con người ô uế...

Đầu Duysen quán băng, tay cũng đeo băng. Thầy nhảy xuống ngựa, giơ chân đạp sập cửa, chạy vào lều và kéo phất tẩm chân đắp trên người lão mặt đỏ.

Dậy ! - Duysen giận dữ quát.

Lão kia nhấc đầu lên, dụi mắt rồi toan chồm lên người Duysen, nhưng lập tức phải chịu im khi thấy hai khẩu súng lục của hai người công an chĩa vào mặt. Duysen túm lấy cổ áo hắn lay mạnh rồi kéo đầu hắn vào sát mặt mình.

- Đồ hèn mặt ! - Duysen nói thì thào qua đôi môi trắng bệch. - Bây giờ phải đi theo ta ! Đi !

Lão kia ngoan ngoãn cất bước. Nhưng Duysen lại nắm chặt lấy vai hắn rồi nhìn thẳng vào tận mặt hắn nói, giọng dứt quãng:

- Mày tưởng đã giày xéo lên Antunai như xéo lên đám cỏ dại hân, mày tưởng đã hãm hại được Antunai ?... Mày lầm ! Thời của mày đã hết, bây giờ đến thời của Antunai, cái thời mà mày đã mặt kiếp rồi !...

Họ để cho tên mặt đỏ đi ứng, trối tay hắn lại và xốc lên ngựa. Một trong hai người công an cầm cương

ngựa dắt đi, còn người kia cười ngựa theo sau. Tôi ngồi lên ngựa của Duyssen, còn thầy đi bộ bên cạnh.

Khi chúng tôi cất bước, ở phía sau bỗng vang lên một tiếng rú man rợ, nghe không còn ra tiếng người nữa: người đàn bà mặt đen đang chạy theo chúng tôi. Như một người điên, bà ta nhảy chồm vào chồng, tay cầm một hòn đá ra sức đánh vào chiếc mũ da cáo đội trên đầu hắn, miệng hét thất thanh:

- Mày đã uống máu tao, đổ sát nhân ! Mày đã đẩy dọa thân tao suốt đời ! Quân giết người ! Tao không để cho mày sống mà đi khỏi nơi này đâu !

Chắc hẳn bốn mươi năm nay bà ta không ngừng đầu lên. Và tất cả những gì bấy lâu chồng chất lại, sôi sục trong lòng bà ta, những gì vẩn đục đời bà như một loài co dăng, giờ đây đã bùng nổ ra. Những tiếng rú the thé của người đàn bà vang dội khắp các vách đá trong thung lũng. Bà ta lồng lộn quanh lão mặt đỏ đang sợ sệt co rúm người lại, ném vào lão ta nào đá, nào phân ngựa, nào những cục đất sét, vớ được gì cũng ném, lớn tiếng nguyên rủa:

- Sao cho cò đừng mọc ở những chỗ chân mày bước qua ! Sao cho xương mày phơi trên đồng nội, sao cho quạ mò mắt mày đi ! Cầu trời đừng bắt tao thấy lại mặt mày lần nữa ! Mày chết đi cho khuất mắt tao, đồ quái vật, mày chết đi, chết đi, chết đi ! - Bà ta thét, rồi im bặt, vừa kêu gào vừa bỏ chạy. Có thể

tiếng như bà muốn trốn thoát khỏi mớ tóc đang bay tứ tán trước gió đuổi theo mình.

Mấy người làng giêng vừa đến liền lên ngựa rượt theo.

Như một cơn ác mộng, đầu tôi cứ văng lên. Mình mảy ề ẩm, tôi đỡ dần ngồi trên lưng ngựa. Duyxen cầm cương đi trước một quãng. Thấy lặng thinh, mái đầu quán băng cúi gằm.

Đi mãi hồi lâu chúng tôi mới ra khỏi cái thung lũng ghê rợn kia. Hai anh công an vượt lên trước, cách chúng tôi khá xa. Duyxen cho ngựa dừng lại và lần đầu tiên nhìn tôi, đôi mắt buồn rười rượi.

- Antưnai ơi, thầy không bảo vệ được em, em tha thứ cho thầy nhé. - Duyxen nói, đoạn cầm lấy tay tôi áp lên má. - Nhưng dù em có tha thứ đi nữa thì thầy cũng không đời nào có thể tự tha thứ cho mình việc này được...

Tôi khóc nức lên và gục xuống bờm ngựa, Duyxen đứng cạnh, lặng lẽ vuốt tóc tôi và đợi tôi nín khóc. Cuối cùng thầy nói:

- Em bình tâm lại, Antưnai ạ, ta đi đi. Em nghe thầy nhé. Hôm kia thầy vừa lên huyện. Em sẽ lên tỉnh học. Em nghe thấy không ?

Khi chúng tôi dừng lại bên một ngọn suối trong veo tuôn chảy róc rách. Duyxen nói:

- Antumai, em xuống ngựa mà tắm một chút.
 - Thầy rút trong túi ra một miếng xà phòng nhỏ.
 - Cảm lấy, Antumai, cứ tha hồ dùng cho hết. Thầy sẽ ra kia cho ngựa ăn cỏ một lát, em cởi áo quần xuống tắm đi. Và em hãy quên hết những chuyện đã xảy ra, đừng bao giờ nhớ đến nữa. Tắm đi, Antumai, em sẽ thấy dễ chịu hơn. Được chứ ?

Tôi gạt đầu. Và khi Duysen đã dắt ngựa đi khuất, tôi cởi áo quần, thận trọng bước xuống suối. Những viên sỏi trắng, tím, xanh, đổ từ dưới lòng suối nhìn tôi. Làn nước xanh lơ chảy xiết réo lên quanh mắt cá tôi. Tôi lấy tay vốc nước vỗ lên ngực. Những dòng nước mát rượi chảy trên thân thể tôi. Và tôi bắt giác cất tiếng cười, lần đầu tiên trong suốt mấy ngày hôm ấy. Được cười, thích biết bao nhiêu ! Tôi luôn tay vốc nước phả lên người rồi gieo mình xuống làn nước sâu. Dòng suối băng băng cuốn tôi đến một cồn cát. Tôi đứng lên rồi ngụp xuống dòng nước chảy cuộn cuộn, tung bọt trắng xóa.

- Nước ơi, hãy cuốn đi tất cả những bùn nhơ, những nỗi ô nhục của mấy ngày hôm nay ! Hãy làm cho tôi trong sạch như nước suối này ! - Tôi thì thầm rồi cất tiếng cười vô cớ.

Tại sao vết chân con người không còn lại mãi mãi ở những nơi thân thiết, đáng ghi nhớ đối với lòng họ ? Giá giờ đây tôi có thể tìm lại con đường mòn mà Duysen đã đưa tôi xuống núi, tôi sẽ phục xuống đất và

hòn lên những vết chân của thầy tôi. Đối với tôi con đường mòn ấy là con đường dẫn tới mọi con đường. Thiêng liêng và diễm phúc thay ngày hôm ấy, con đường mòn ấy, con đường đã dẫn tôi trở về với cuộc sống, với niềm tin mới vào bản thân mình, với những niềm hy vọng mới, với ánh sáng... Cảm ơn ánh sáng mặt trời, cảm ơn mảnh đất ngày hôm ấy...

Hai hôm sau Duysen đưa tôi ra ga.

Sau tất cả sự việc xảy ra, tôi không muốn ở lại trong thôn nữa. Phải bắt đầu cuộc sống mới ở một chốn mới. Và chẳng mọi người cũng đều thấy tôi nghĩ đúng. Hai vợ chồng bà cụ Xaikan theo tiễn tôi, cuống quýt, khóc lóc như trẻ con, dúi vào tay tôi những gói giấy, những bọc vải đựng thức ăn đường. Những người láng giềng khác đến từ biệt tôi, ngay cả ông cụ Xatưmkun – hay cãi cũng tới.

Thôi, Thượng đế phù hộ con, – ông ta nói, – cho đường đi của con sáng sủa. Con đừng sợ, con hãy sống theo lời dạy của thầy Duysen tất sẽ nên người. Thôi, chúng ta đây cũng bắt đầu hiểu biết ít nhiều rồi.

Các học sinh trường chúng tôi chạy mãi theo chiếc xe ngựa và vẫy tay từ biệt tôi.

Tôi ra đi cùng với mấy em nữa, cũng được đưa lên nhà nuôi trẻ ở Tasken. Ở sân ga có một người đàn bà Nga mặc áo va-rơ-ri da đợi chúng tôi.

Về sau đã bao lần tôi đi xe lửa qua ngôi nhà ga vùng núi nấp dưới bóng phong dương này ! Tôi thường có cảm giác như đã vĩnh viễn để lại một nửa trái tim tôi ở nhà ga ấy.

Trong ánh sáng loang loáng màu tím nhạt của buổi chiều xuân hôm ấy có một cái gì buồn hiu hắt, tương chừng như ánh hoàng hôn cũng hiểu thấu nỗi buồn chia ly của chúng tôi. Duyxen cố gắng không để lộ cho ai thấy thấy đau lòng đến nhường nào, tâm hồn thấy đang buồn khổ đến nhường nào, nhưng tôi thì tôi biết cũng chính nỗi đau buồn ấy đang ghen ngào trong cổ tôi. Duyxen nhìn chăm chăm vào mắt tôi, thấy lấy tay vuốt tóc, vuốt má tôi, mân mê cả những chiếc khuy trên áo tôi:

– Antunai ạ, lẽ ra không bao giờ thầy để em xa thầy một bước. Duyxen nói – Nhưng thầy không có quyền cản trở em. Em phải học. Vì thật ra thầy cũng chẳng biết được bao nhiêu chữ nghĩa. Em đi đi, như vậy tốt hơn... Có lẽ rồi em sẽ thành một người giáo viên thật sự và đến khi nhớ lại ngôi trường của chúng ta, em sẽ cười cũng nên... thầy chỉ mong thế... chỉ mong được thế.

Xa xa có tiếng còi tàu hỏa rúc lên, vang dội khắp thung lũng quanh ga. Đã trông thấy những ánh đèn trên các toa xe. Mọi người nhón nháo trên sân ga.

– Thôi thế là em sắp đi, – Đuysen siết tay tôi nói, giọng run run, chúc em hạnh phúc, Antunai nhé. Và cái chính là em phải học, phải học...

Tôi không đáp, nước mắt trào lên nghẹn ngào không sao nói được.

– Đừng khóc Antunai ạ. – Đuysen lau nước mắt cho tôi, rồi bỗng như sức nhớ ra, thầy nói: – Còn hai cây phong mà thầy với em đã trồng, thầy sẽ tự chăm bón lấy. Và khi em đã trưởng thành trở về đây, em sẽ thấy chúng đẹp nhường nào.

Giữa lúc ấy xe hỏa đã vào ga. Bánh xe lăn ầm ầm, các toa xe xô vào nhau lịch kịch rồi dừng lại.

– Thôi, chúng ta hãy chia tay nhau đi ! – Đuysen ôm chặt tôi và hôn lên trán. – Chúc em khỏe, lên đường may mắn nhé, từ biệt em, Antunai của thầy... Em đừng sợ, hãy mạnh dạn lên mà đi.

Tôi nhảy lên bậc toa và ngoái cổ lại nhìn. Không bao giờ tôi có thể quên hình ảnh Đuysen, tay treo băng, đứng nhìn tôi với đôi mắt nhòa lệ, rồi vươn người tới như muốn đến với tôi. Vừa lúc ấy đoàn tàu chuyển bánh.

– Từ biệt Antunai ! Từ biệt em, ngọn lửa nhỏ của thầy ! – Đuysen kêu lên !

- Từ biệt thầy ! Từ biệt thầy kính mến của em !

Đuysen chạy bên toa xe, dừng lại, rồi bỗng chồm lên gọi lớn:

– An-tư-ư-na-ai !

Đuysen gọi như thế vừa quên nói với tôi một điều gì vô cùng quan trọng bỗng sức nhớ ra, tuy biết rằng bây giờ đã muộn mất rồi... cho đến nay trong tai tôi vẫn còn văng vẳng tiếng gọi ấy, thốt lên tự đáy lòng, từ những nơi sâu kín nhất của tâm hồn Đuysen...

Xe hỏa chạy qua đoạn đường hầm rồi đổ ra đường thẳng tăng tốc độ đưa tôi băng qua những cánh thảo nguyên của miền Kazakh, tiến tới một cuộc sống mới, một cuộc đấu tranh mới, những lao động mới.

Từ biệt thầy, từ biệt ngôi trường đầu tiên của tôi, từ biệt thời thơ ấu, từ biệt mối tình đầu của tôi, mối tình không hề thô lộ với ai...

Phải, tôi đã được học trong một thành phố lớn như Đuysen vẫn ước mơ, trong những nhà trường lớn, có những khung cửa sổ rộng như thầy vẫn tả. Rồi sau khi thi tốt nghiệp trường dự bị đại học công nhân, tôi được gọi đi Matxcơva, vào viện Mác-Lênin.

Tôi đã trải qua bao nhiêu khó khăn trong những năm học dài đằng đẵng, đã bao nhiêu lần tôi tuyệt vọng tưởng chừng không sao vươn được đến đỉnh chóp cao siêu của khoa học và cứ mỗi lần như vậy, trong những phút gay go nhất tôi lại thầm giữ trách nhiệm đối với người thầy đầu tiên của tôi và không dám lùi

bước. Những điều mà người khác học được ngay thì tôi phải chắt vạt lắm mới hấp thụ nổi. Bởi vì cái gì tôi cũng bắt đầu từ a, b, c.

Trong khi còn học ở trường dự bị đại học công nhân, tôi có viết cho Đuysen một bức thư thú nhận rằng tôi yêu Đuysen và chờ đợi. Đuysen không trả lời. Đến đấy chúng tôi không còn trao đổi thư từ gì với nhau nữa. Tôi nghĩ rằng Đuysen cưỡng lại tình cảm của tôi và của Đuysen là vì không muốn can trở việc học tập của tôi. Có lẽ Đuysen nghĩ đúng... Hay cũng có thể vì những nguyên nhân nào khác chăng ? Đạo ấy tôi đã đau khổ và hãn khoan biết mấy về việc này...

Tôi bảo vệ luận án đầu tiên của tôi ở Matxcơva. Đối với tôi đó là một thắng lợi lớn, một thắng lợi quan trọng. Suốt mấy năm ấy tôi không có dịp về thăm làng, rồi chiến tranh bùng nổ. Cuối mùa thu năm ấy, trong khi rời Matxcơva và tản cư đi Frunze, tôi ghé xuống nhà ga mà thấy tôi đã tiễn tôi lên đường. May sao gặp ngay được một chiếc xe ngựa đi về nông trường quốc doanh qua thôn chúng tôi.

Ôi, quê hương tôi. Trong thời chiến tranh gian khổ tôi đã ghé về thăm Người. Tuy nhìn mảnh đất thân yêu đã đổi mới tôi vui mừng khôn xiết – những thôn ở mới đã mọc lên, nhiều cánh đồng được cày thêm, nhiều đường sá và cầu cống mới được xây,

– nhưng chiến tranh đã gieo màu sắc thê lương vào chuyến gặp gỡ này.

Đi đến gần làng, tôi thấy lòng bồi hồi xúc động. Từ xa tôi đưa mắt ngắm những con đường làng trước kia không có, những ngôi nhà và những thửa vườn mới, rồi nhìn lên ngọn đồi trước đây có ngôi trường cũ của chúng tôi và hồi hộp nghẹn thở: trên đồi, hai cây phong lớn mọc sát cạnh nhau, đang rung đưa trước gió. Và lần đầu tiên tôi đã cất tiếng gọi tên người mà suốt đời tôi đã gọi bằng “thầy”, Đuysen.

– Đuysen ! tôi thì thầm – Cảm ơn anh về tất cả những gì anh đã làm cho em, anh Đuysen ! Anh không quên, tức là anh vẫn nghĩ đến... Em biết anh không thể khác được !...

Thấy mặt tôi ướt đầm nước mắt, người thanh niên đánh xe ngựa lo lắng hỏi:

Chị làm sao thế ?

– Không, có sao đâu. Anh có biết ai trong nông trường này không ?

– Biết chứ. Ở đây toàn người quen cả.

– Thế anh có biết Đuysen không, trước kia làm thầy học ấy mà ?

– Đuysen ? Anh đi bộ đội rồi. Chính tôi chở anh ấy từ nông trường lên ủy ban tuyển binh, cũng trên chiếc xe này.

Sắp vào làng, tôi báo anh thanh niên dừng lại, rồi xuống xe. Tôi xuống xe và ngẫm nghĩ một lát. Bây giờ mà đi nhà này nhà nọ, thời buổi chiến chinh này mà đi tìm người quen, hỏi người này người khác xem họ có nhớ mình không, tự xưng mình là người làng đấy, tôi không sao làm được. Duysen thì đã đi bộ đội rồi. Và chẳng tôi đã thể sẽ không bao giờ đến nơi chú thím tôi ở. Người ta có thể tha thứ nhiều điều cho người khác, nhưng một hành động tàn ác như vậy thì tôi nghĩ không ai có thể tha thứ cho nhau được. Thậm chí tôi cũng không muốn họ biết tôi có về làng. Tôi rời đường cái đi lên phía hai cây phong trên ngọn đồi.

Ồi, hai cây phong, hai cây phong ! Bao nhiêu nước suối đã trôi đi từ dạo chúng mày hãy còn là hai cây non còn bé, thân xanh biếc. Xin cúi chào hai cây phong, hai người bạn, hai giọt máu thân thuộc, hai chị em ruột thịt của tôi ! Tất cả những gì mà người trồng cây lên và chăm bón cho cây lớn bằng mơ ước, bằng tiên đoán, nay đều đã thành sự thật. Thời ấy đã đến. Nhưng quân thù đã xâm lấn bờ cõi chúng ta, người ấy lại cầm vũ khí bao vệ những mơ ước của mình.

Sao cây rí rào buồn bã như vậy, cây có điều gì sầu muộn mà rí non rầu rĩ như vậy ? Hay cây than vãn về nỗi mùa đông sắp đến và những cơn gió lạnh sẽ tía trụi lá trên cành cây ? Hay nỗi đau buồn của dân ta đang rên rĩ trong thân cây ?

Phải mùa đông sẽ lại đến với những cơn giá rét
chúng trận bão tuyết hai lung, nhưng rồi xuân sẽ lại
sống.

Tôi đứng hồi lâu nghe tiếng lá thu vào xác. Mảng
nước ở chân hai cây phong được ai dọn sạch cách đây
không lâu: trên mặt đất hãy còn thấy những vết
thương sâu, trong còn mới. Làn nước trong trời đây
ấp trong mảng chi thoang gọn lên một chút và trên
mặt nước rung rinh những chiếc lá phong vàng.

Thầy ơi, chắc phút cuối cùng thầy đã đến đây...
Đây là vết thương của thầy... Thầy hay sớm chiến
trung trở về, hãy về đây yên lành, khỏe mạnh. Hai
cây phong ơi, hãy cầu nguyện cho thầy.

Đứng trên gò tôi có thể trông thấy nóc mái đỏ
của ngôi trường mới, con trường chúng tôi thì đang
con bóng đang dần nữa.

Sau đó tôi xuống đường cái, đón một chiếc xe
ngựa đi qua và lên ga.



Chiến tranh tiếp diễn, rồi kết thúc thắng lợi. Bao
nhiều hạnh phúc được mui dâng cay đã đến với mọi
người lũ trẻ chạy đến trường lưng đeo những chiếc xà-
cô đã chiến của cha chúng, những cánh tay đàn ông
lũ trẻ về với công việc đồng áng, những người vợ khỏe
vào hết nước mắt rồi lặng lẽ dần lòng chịu đựng cuộc

sống góa bụa. Cũng có những người dai dẳng đợi chờ người thân. Vì không phải ai cũng trở về ngay được.

Riêng tôi, tôi cũng không biết Duysen ra sao. Những người làng tôi lên tỉnh nói rằng Duysen bị mất tích, ủy ban xã đã nhận được giấy báo tin như thế.

Có lẽ anh ta chết rồi cũng nên – họ phỏng đoán, – thời gian cứ trôi qua, mà anh ta vẫn biệt vô âm tín.

“Thế nghĩa là thấy tôi không còn về nữa rồi, tôi thường nghĩ. – Thế là thấy và em không còn được gặp lại nhau kể từ cái ngày đáng ghi nhớ khi chúng ta từ biệt nhau trên sân ga...”

Đôi khi ngẫm nhớ lại dĩ vãng, tôi cũng không ngờ rằng hóa ra bao nhiêu buồn tủi đã tích lại trong lòng tôi.

Năm bốn mươi sáu, vào cuối mùa thu tôi lên đường đi công tác khoa học ở trường đại học Tôm-xki. Lần đầu tiên tôi đi qua Xibêri. Vào tiết cuối thu năm ấy, miền Xibêri thật khắc khổ và âm u. Những cánh rừng già hàng thế kỷ chạy vùn vụt ngoài cửa xe như một bức tường tối sẫm. Ở những khoảng rừng thưa thấp thoáng những mái nhà đen ngòm của các làng mạc với những lan khói trắng từ các ống khói bốc lên. Trên những cánh đồng lạnh lẽo, tuyết đầu mùa đã phủ xuống. Những đàn quạ xơ xác bay vờ trên tuyết. Trời lúc nào cũng xám xịt.

Nhưng ngồi trong toa xe, tôi vui lắm. Người ngồi cạnh tôi trong ngăn toa là một cựu chiến binh, một anh thương binh đi nặng gỗ; anh ta kể những chuyện vui, những mẫu giai thoại ở bộ đội làm chúng tôi cười như nắc nẻ. Tôi không khỏi ngạc nhiên vì cái tài bịa chuyện không cùng của anh ta và ở sau tiếng cười chất phác không hề có ác ý ấy bao giờ cũng cảm thấy một sự thật sâu sắc. Trong toa ai cũng mến anh ấy lắm.

Qua Novôximbirsk, đoàn xe của chúng tôi phải dừng lại một phút ở ngã ba đường sắt nào đấy. Tôi đứng nhìn ra cửa sổ và đang cười vì một câu đùa mới của anh bạn đường.

Đoàn xe chuyển bánh, tăng tốc độ; một ngôi nhà ga nhỏ cô đơn lướt qua cửa sổ và đến khi xe đi qua chỗ bé ghi tôi bỗng vụt né người lại rồi ghé sát mặt vào tấm kính. Duysen đang đứng đấy: Anh ấy đứng cạnh chiếc chòi canh, tay cầm cờ tín hiệu. Tôi không biết trong lòng tôi đã diễn ra những gì.

Đứng lại ! - tôi hét vang cả toa xe và lao ra cửa toa, tư mình cũng không biết làm gì, nhưng tôi chợt trông thấy cái dây khóa ống hơi hãm xe, liền lấy hết sức giật ra khỏi dấu niêm phong bằng chì.

Các toa xô mạnh vào nhau, đoàn tàu đột ngột bị hãm lại và đột ngột lùi về phía sau. Hành lý để trên giá đổ xuống ầm ầm, cốc chén rơi loảng xoảng, đàn bà và trẻ con kêu ới ới. Có tiếng ai hét thất thanh:

- Tàu nghiêng phải người rồi !

Tôi chạy ra bậc toa, nhón xuống đất mà không trông thấy mặt đất ở dưới chân, như nhảy xuống vực thẳm, rồi vẫn thế, không trông thấy gì ở trước mặt, không hay biết gì nữa, tôi lao người chạy về phía chòi canh của người bê ghi, về phía Duysen. Sau lưng tôi có những tiếng còi tới tấp của các nhân viên coi toa. Nhiều hành khách cũng nhảy xuống xe và chạy theo tôi.

Tôi chạy một hơi dọc đoàn tàu, Duysen cũng đã chạy ngược về phía tôi.

- Duysen, thay ! - tôi vừa gọi vừa lao về phía Duysen.

Người bê ghi đứng lại, ngơ ngàng nhìn tôi. Đó chính là Duysen, chính khuôn mặt ấy, chính đôi mắt ấy, chỉ có điều là bây giờ Duysen để ria và trông hơi già đi.

- Chị làm sao thế, chị ! - người bê ghi ân cần hỏi bằng tiếng Kadakh. - Chắc chị nhầm, tôi là người bê ghi Giagazin, tên tôi là Báyneu.

- Báyneu ?

Tôi không biết làm sao tôi lại có thể kịp nghiêng rặng lại để dừng kêu lên vì buồn khổ, vì đau đớn và hổ thẹn. Tôi đã làm gì thế này ? Tôi giơ hai tay bưng mặt và cúi đầu. Tại sao đất ở dưới chân tôi không sụt xuống ? Lý ra tôi phải xin lỗi người bê ghi, xin lỗi

hành khách, nhưng tôi cứ đứng im lặng như một tảng đá. Đám hành khách vây quanh, không hiểu tại sao, cũng im lặng. Tôi biết thế nào họ cũng sắp quát mắng, chửi bới tôi. Nhưng mọi người đều im lặng. Và trong còi im lặng ghê rợn ấy chợt có tiếng nấc của người đàn bà nào không rõ.

Khó thân, cô ấy tương tìm được chồng hay anh gì đấy, hóa ra không phải.

Đám người xôn xao lên.

- Sao lại thế nhỉ, - có ai nói giọng trầm trầm.

Lạ gì, trong chiến tranh chúng ta đã phải chịu đựng bao nhiêu và cũng còn lại bao nhiêu cánh éo le cay đắng... một giọng đàn bà nghẹn ngào đáp.

Người bé ghi gõ hai tay tôi đang bưng mặt và nói:

- Ta đi đi, tôi đưa chị về toa nhé, ở đây lạnh lắm.

Anh ấy khoác lấy tay tôi. Ở phía bên kia, một người sĩ quan nào đó cũng khoác tay tôi giắt đi.

- Ta đi thôi chị ạ, chúng tôi hiểu hết, - người sĩ quan nói.

Hành khách dân ra và họ diu tôi đi như đi đưa đám ma. Chúng tôi chậm rãi đi ở phía trước và mọi người bước theo sau. Những hành khách từ phía sau đi lại cũng lặng lẽ nhập vào đám đông. Có ai khoác lên vai tôi một chiếc khăn choàng lông. Anh bạn cùng toa

của tôi khấp khểnh trên đôi nạng gỗ, đi vượt lên phía trước một chút và nhìn vào mặt tôi. Con người vui tính, hay đùa bỡn, tôi bụng và can đảm ấy không hiểu sao bỗng ngủi đờ đầu trần đi bên cạnh tôi. Hình như anh đang khóc. Tôi cũng khóc. Và trong tiếng chân bước chậm rãi của đoàn người đi dọc các toa xe, trong tiếng gió rít qua các hàng dây thép tôi ngỡ chừng nghe thấy chừng âm thanh của một khúc điệu ca “Không, mình sẽ không bao giờ còn gặp lại anh ấy nữa”.

Bên toa xe của chúng tôi, viên xa trưởng chặn chúng tôi lại. Ông ta quát tháo, giơ ngón tay lên dọa tôi nơi những gì nào là vi phạm luật pháp nào là phạt vì cớ gì, nhưng tôi lặng thinh không đáp. Tôi còn thiết gì nữa. Ông ta dúi vào tay tôi một tờ biên bản, bảo tôi phải ký vào, nhưng tôi không còn hơi sức cầm lấy cây bút chì nữa.

Lúc bấy giờ anh bạn cùng toa giật lấy tờ giấy trong tay viên xa trưởng, chống nạng tiến đến sát và quát vào mặt ông ta:

- Ông để cho cô ấy yên ! Tôi sẽ ký. Chính tôi đã giật cái khóa hơi, tôi sẽ chịu trách nhiệm...

Trên đất Xibêri, mảnh đất cô truyền của dân Nga, đoàn tau vội vã cướp lại thời gian đã mất. Tiếng đàn ghi-ta của anh bạn cùng toa ni non buồn bã trong đêm. Tôi cứ mang theo trong lòng dư âm bí thảm sau lần đụng mặt với cuộc chiến tranh đã kết thúc từ lâu

ấy như một khúc ca lời rền rĩ của những người phụ nữ Nga góa bụa.

Năm qua tháng lại, dĩ vãng đã xa xăm, mà hiện tại thì luôn cất tiếng gọi trở về với cuộc sống, với những nỗi lo âu bận rộn lớn nhỏ hàng ngày. Tôi lấy chồng muộn. Nhưng tôi đã gặp được một người tốt. Chúng tôi có mấy đứa con, gia đình chúng tôi sống rất hòa thuận. Bây giờ tôi đã là tiến sĩ triết học. Tôi thường phải đi công tác luôn. Tôi đã qua nhiều nước. Thế nhưng chưa bao giờ tôi về làng. Dĩ nhiên có nhiều lý do, nhưng tôi không có ý định thanh minh. Dù sao tôi cũng đã cắt đứt liên hệ với người làng – đó là một điều không tốt, không thể tha thứ được. Nhưng số phận tôi nó thế. Không phải tôi quên dĩ vãng, không, tôi không thể quên được – tôi chỉ xa lánh dĩ vãng mà thôi.

Trên núi có những dòng suối như vậy: một con đường mới được đắp lên, người ta quên bằng con đường mòn dẫn đến suối và ngọn suối kia dần dần phủ kín dưới lau lách, bụi bờ. Đứng xa mà nhìn chẳng còn thấy suối đâu nữa. Và ít khi có ai nhớ đến dòng suối cũ mà từ đường cái rẽ về bên suối vào một ngày nồng nực để uống cho đỡ khát. Nhưng rồi một hôm có người tìm thấy nơi vắng vẻ ấy, rẽ đám lau lách ra và khi thốt lên: dòng nước mát mẻ, trong trẻo lạ lùng đã từ lâu không ai đến khuấy động làm vẩn đục, đang cháy lạnh lẽo, sâu thẳm, khiến cho khách phải ngạc

nhiên. Khách nhìn xuống nước và trông thấy mình, thấy ánh thái dương, bầu trời, những rặng núi. Và khách nghĩ rằng không biết đến những nơi như thế nay thật là có tội, phải kể lại cho các bạn bè cùng biết. Khách nghĩ thế rồi quên hẳn đi cho đến ngày thấy lại dòng suối lần nữa.

Trong cuộc sống đôi khi cũng như vậy. Nhưng có lẽ chính như thế nó mới là cuộc sống.

Tôi sức nhớ đến những ngọn suối ấy cách đây không lâu sau khi ghé về thăm làng.

Chắc anh ngạc nhiên không hiểu sao dạo ấy tôi bỏ Kurkureu ra đi một cách đột ngột như vậy. Phai chẳng không thể kể cho mọi người ở đây nghe tất cả những điều mà tôi đang kể cho anh nghe ? Không phải. Lúc bấy giờ tôi bối rối quá, tôi xấu hổ, tôi thẹn cho mình quá, nên phải bỏ đi ngay. Tôi đã hiểu ra rằng tôi sẽ không tài nào gặp lại Duysen, không thể nào dám nhìn thẳng vào mắt Duysen được. Tôi cần phải bình tâm lại, sắp xếp lại những ý nghĩ đang rối tung, dọc đường suy nghĩ lại tất cả những điều tôi muốn nói không những với các bạn cùng quê mà còn nói với nhiều người khác nữa.

Tôi còn thấy mình có tội nữa vì tôi không phải là người có quyền được trọng vọng đủ điều như vậy, được ngồi ở chỗ danh dự trong buổi lễ khánh thành trường mới. Đó trước hết là quyền của Người thầy đầu tiên

của chúng ta, người cộng sản đầu tiên trong làng của chúng ta – thầy Duysen già cả. Thế nhưng sự việc đã diễn ra trái hẳn. Chúng ta ngồi quanh bàn tiệc, còn con người vàng ngọc ấy thì đang hối hả chạy đi đưa thư, vội vã chuyển những bức điện chúc mừng của học trò cũ mình về cho kịp lễ khánh thành.

Mà đây không phải là một trường hợp duy nhất. Tôi đã nhiều lần thấy như vậy. Cho nên tôi thường tự hỏi: chúng ta đã bỏ mất cách biết trân trọng con người bình thường như Lênin từng trân trọng tự bao giờ?... May thay, giờ đây chúng ta nói lên những điều như thế một cách thẳng thắn không kèm theo chút đạo đức giả nào. Cũng rất hay là ngay cả trong việc này chúng ta đã cùng đến sát với Lênin hơn.

Lớp thanh niên không biết rõ Duysen trước kia là một người thầy như thế nào. Còn thế hệ cũ thì đã nhiều người không còn nữa. Không ít học trò cũ của Duysen đã hy sinh trong chiến tranh, họ đã là những chiến sĩ Xô-viết chân chính. Lẽ ra tôi phải nói cho thanh niên hiểu rõ thầy Duysen. Ai ở địa vị tôi đều có nhiệm vụ làm vậy. Nhưng tôi lại không về làng, tôi không hề biết gì về Duysen và với thời gian, hình ảnh của thầy tôi đối với tôi đã dường như biến thành một thành tích vô giá, được giữ gìn trân trọng trong cõi tinh mịch của một viện bảo tàng.

Tôi sẽ trở về gặp thầy tôi và sẽ chịu tội trước thầy. Tôi sẽ xin người tha thứ.

Tôi định khi nào đi Matxcơva về, sẽ đến Kurkurêu và đề nghị với dân làng đặt tên cho nhà trường ký túc mới là “Trường Đuysen”. Phái, trường phái mang tên người nhân viên nông trường giản dị ngày nay làm nghề đưa thư ấy. Tôi hy vọng rằng với tư cách là một người cùng quê, anh sẽ ủng hộ đề nghị của tôi. Tôi xin anh làm như vậy.

Ở Matxcơva bây giờ đã hơn một giờ đêm. Tôi đứng trên bao lơn tòa khách sạn, nhìn những ánh đèn lấp lánh tỏa rộng trên thủ đô và nghĩ đến lúc tôi sẽ trở về làng, tìm gặp Đuysen và hôn lên chòm râu bạc của thầy...



Tôi mở tung các cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lê minh xanh nhạt đang sáng dần tôi nhìn kỹ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công làm. Những bức vẽ ấy nhiều lắm. Tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói về toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm ra cái chính... Tôi đi đi lại lại trong cảnh tĩnh mịch của buổi lê minh và cứ suy nghĩ suy nghĩ mãi. Và lần nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ ràng bức tranh của tôi chỉ mới là một ý đồ.

Tuy vậy tôi vẫn muốn nói với các bạn về tác phẩm dở dang của tôi. Tôi muốn hỏi ý kiến các bạn. Chắc các bạn cũng đã đoán ra rằng bức tranh của tôi dành cho người thầy giáo đầu tiên của làng chúng tôi, người cộng sản đầu tiên – ông già Duysen.

Nhưng tôi chưa hình dung được rõ liệu tôi có thể dùng thuốc vẽ mà thể hiện được cuộc sống phức tạp, đầy dấu tranh ấy, những nẻo đường đời và những tình cảm muôn màu muôn vẻ của con người ấy không. Làm sao cho khỏi sánh mất bát nước đầy: làm sao trao được đến tận tay các bạn, những người cùng thời đại với tôi ? Làm thế nào cho ý đồ của tôi không phải chỉ thấu đến các bạn, mà còn trở thành một công trình sáng tạo chung của chúng ta ? Tôi không thể không vẽ bức tranh này, nhưng sao tôi thấy băn khoăn, lo lắng quá ! Có khi tôi tưởng chừng rồi sẽ chẳng ra gì hết. Và những lúc ấy tôi lại nghĩ: tại sao số phận lại trở trêu đặt cây bút vẽ vào tay tôi làm gì ? Thật là một cuộc sống khổ ải ! Lại có khi tôi cảm thấy mình dững mảnh đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng. Và những khi ấy tôi nghĩ: hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Duysen và Antumai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật là cao và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kỳ ảo.

Hãy là vẽ một bức tranh đề là “Người thầy đầu tiên”. Đó có thể là lúc Duysen bế trẻ em qua con suối và cạnh đấy, trên những con ngựa no nê hung dữ, những con người dẫn độn, mũ da cáo đỏ đi qua đang chế giễu ông...

Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiên Antumai lên tinh. Máy còn nhớ khi ông cất tiếng gọi Antumai lần cuối cùng ! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Duysen mà đến nay Antumai vẫn còn nghe văng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

Tôi tự nhủ như vậy. Tôi tự nhủ điều này điều nọ khá nhiều, nhưng không phải bao giờ cũng làm được... ngay giờ đây tôi cũng chưa biết bức tranh tôi vẽ sẽ ra sao. Nhưng có một điều tôi biết chắc: tôi sẽ tìm tòi.

NGUYỄN NGỌC BÀNG
CAO XUÂN HẠO
BỒ XUÂN TIẾN dịch

CÂY SỒI MÙA ĐÔNG

Tuyết xuống ban đêm đã lấp kín con đường nhỏ hẹp từ Uvarôpka đến trường học. Muốn nhận ra đường, chỉ có thể căn cứ vào cái vệt bóng đen đứt đoạn hiện lên mờ mờ trên tuyết. Cô giáo đi đôi giày nhỏ viền da lông thú, thận trọng đặt chân xuống, sẵn sàng rụt lại ngay nếu tuyết đánh lừa cô.

Đường đèn trường vền vền có nửa cây sồi, cô giáo chỉ choàng lên vai chiếc áo khoác ngắn bằng lông và quang vội lên đầu chiếc khăn len mỏng. Nhưng tiết trời rét dữ, đã thế gió lại ào ào thốc tới, cuốn tung lên lớp tuyết mới xuống trên mặt tuyết đã đóng băng, bóng tuyết bay tới tấp trùm khắp người cô. Cô giáo hai mươi tư tuổi, cảnh tượng đó làm cho cô thích thú, cô thích thú vì gió rét như kim châm vào mũi và má, vì gió lùa vào tấm áo lông khiến toàn thân cô tê cứng. Mỗi khi quay mặt đi tránh gió, cô nhìn thấy ở phía sau những vết liền liền do đôi giày mũi nhọn của cô

để lại, nom giống vết chân một con thú nhỏ, điều đó cũng làm cô thích thú.

Cái tươi tắn của buổi sáng tháng giêng chan hòa ánh sáng gợi lên những ý nghĩ vui sướng về cuộc sống, về bản thân. Cô rời ghế trường đại học về đây mới có hai năm, vậy mà đã được tiếng là một cô giáo giỏi, giàu kinh nghiệm (*cô dạy tiếng Nga*). Ở Uvarôpka cũng như ở Kudôrinki và Secnuila cũng như ở thị trấn than bùn và trại nuôi ngựa, đâu đâu người ta cũng biết cô, quý trọng cô và gọi cô một cách trân trọng là Anna Vaxiliepna.

Bên trên dải rừng thông ở đằng xa nom như bức tường khắp khảnh, mặt trời đã nhô cao, làm cho những bóng đêm ngả dài trên mặt tuyết nhuộm màu xanh đậm. Bóng in trên tuyết khiến cho những vết rất xa nhau xích lại gần nhau: cái nóc nhọn của tháp chuông nhà thờ vươn tới tận bậc tam cấp của xô – viết xã Uvarôpka. Những cây thông ở bờ bên kia ngả xuống thành dãy trên sườn dốc bên này: chong chóng chỉ chiều gió ở trạm khí tượng của trường xoay đi xoay lại giữa cánh đồng ngay dưới chân Anna Vaxiliepna.

Có một người vượt qua cánh đồng đi về phía cô. “Ngộ nhỡ người ấy không chịu nhường đường thì sao?” – Anna Vaxiliepna nghĩ thầm, vừa vui vừa lo. Không thể tránh nhau trên con đường mòn được, mà bước chệch ra ngoài là thụt xuống tuyết ngay. Nhưng trong

thâm tâm cô biết rằng khắp vùng không có người nào không nhường đường cho cô giáo Uvarôpka.

Hai người gặp nhau. Đây là Frôlôp, người luyện ngựa của trại nuôi ngựa giống.

– Chào cô Anna Vaxiliepna – Frôlôp nhích chiếc mù Cu-băng lên một chút, để lộ ra cái đầu rắn chắc, húi ngắn.

– Nay thôi, xin anh đội mũ vào ngay cho, trời rét kinh khủng thế này !

Hắn là chính Frôlôp cũng muốn mau mau chụp mũ lên đầu, nhưng bây giờ anh cố tình lẩn tránh, muốn tỏ ra mình không coi giá rét vào đâu. Tấm áo cộc bằng da lông ôm khít lấy thân hình cân đối thanh thoát của anh, tay anh cầm chiếc roi da mảnh giống như con rắn, thỉnh thoảng anh lại quất roi vào chiếc ủng dạ trắng gấp ống cao chưa đến đầu gối.

Thưa cô, thằng Léska nhà tôi thế nào, nó có nghịch ngợm không ạ ? – Frôlôp hỏi bằng giọng kính trọng.

Tất nhiên là nghịch ngợm ! Trẻ bình thường đứa nào chẳng nghịch. Miễn là đừng quá đáng thì thôi.

Có ý thức về kinh nghiệm sư phạm của mình, Anna Vaxiliepna đáp.

Frôlôp nhếch mép cười.

– Thằng Lèska nha tôi hiền lắm, hết tính bố !

Anh tránh sang bên, thụt ngay xuống tuyết ngập đến đầu gối, bây giờ anh chỉ cao bằng cậu học trò lớp năm, Anna Vaxiliepna gật đầu với anh một cách độ lượng và tiếp tục đi.

Ngôi trường hai tầng có những cửa sổ rộng được tô điểm bằng tuyết đóng băng, trường nằm ngay sát đường cái, sau bức tường thấp, ánh sáng từ những bức tường đỏ hắt ra làm cho tuyết nhuộm màu hồng cho đến tận đường. Trường xây ngay cạnh đường cái, cách Uvarôpka một quãng bởi vì trẻ em ở khắp các vùng lân cận đều đến đây học: ở các làng xung quanh, ở khu nhà của trại nuôi ngựa, ở khu an dưỡng của công nhân dầu mỏ cũng như ở thị trấn than bùn xa xôi. Lúc này, từ hai ngã đường, những chiếc mũ bỏ đai và khăn choàng đầu, mũ cát kết và mũ trùm ấm, mũ có tai và mũ dạ lũ lượt tuôn về cổng trường như những dòng suối.

Em chào cô ạ ? – chốc chốc lại có tiếng chào khi thì lạnh lạnh và rành rọt, khi thì khàn khàn và lí nhí thốt ra từ dưới những tấm khăn quàng và khăn trùm đầu quần đến tận mắt.

Anna Vaxiliepna có tiết đầu ở lớp năm “A”. Tiếng chuông inh ỏi bao giờ vào học chưa dứt thì Anna Vaxiliepna đã vào lớp. Các em đứng cả dãy chào cô, rồi ngồi xuống. Trong lớp không yên lặng ngay. Có tiếng nấp bàn đập lạch cạch, tiếng cọt két của những

ghế băng, có em nào thở dài rõ to, có lẽ để vĩnh biệt tâm trạng thanh thản buổi sáng.

- Hôm nay chúng ta tiếp tục phân tích các loại từ...

Lớp học trở nên yên lặng, nghe rõ tiếng một chiếc cam nhông nặng nề ịch bò trên đường, chốc chốc lại trượt bánh.

Anna Vaxiliepnna nhớ lại năm ngoái cô hồi hộp như thế nào trước khi lên lớp và giống như một nữ sinh phổ thông trong kỳ thi, cô nhăm đi nhăm lại: “danh từ là một loại từ... danh từ là một loại từ...”, cô còn nhớ cô đã khổ sở vì một nỗi sợ kỳ cục: ngộ nhớ giảng thế nào các em cũng không hiểu thì sao?

Nhớ đến chuyện đó, Anna Vaxiliepnna mỉm cười, cô sửa lại cái trâm gài trong lọn tóc nặng và cảm thấy long bình tĩnh như cảm thấy sức ấm trong toàn thân, cô bắt đầu nói bằng giọng đều đều, điềm đạm:

Danh từ là một loại từ chỉ đối tượng. Trong ngữ pháp, đối tượng là cái mà ta có thể đặt câu hỏi: ai hay cái gì? Chẳng hạn: ai? Học sinh. Hay cái gì? Quyển sách...

- Thưa cô cho em vào lớp ạ?

Một dáng hình nhỏ nhắn đứng bên cánh cửa hé mở, chân đi đôi ủng dạ đã doãng ra, trên ủng những hạt băng đang tan, mất dần ánh lấp lánh. Khuôn mặt tròn trĩnh phơi lâu trong giá rét đỏ bừng lên như được chà xát bằng củ cải, lông mày xám lại vì hạt băng đọng.

– Em lại đi học muộn ư ? Xavuskin ? – Như phần lớn các cô giáo trẻ, Anna Vaxiliepna thích tỏ ra nghiêm khắc, nhưng lúc này câu hỏi của cô nghe có phần rầu rĩ.

Được cô cho phép vào lớp, Xavuskin linh nhanh về chỗ, Anna Vaxiliepna thấy thằng bé cất túi sách bằng vải sơn vào ngăn bàn, hời dữa ngồi cạnh cái gì không rõ, nhưng không ngoảnh sang phía bạn, chắc là hời xem cô giảng bài gì.

Anna Vaxiliepna phiền lòng về việc Xavuskin vào lớp muộn, cô coi đó là sự loạc choạc đáng bực làm hỏng cả một ngày đã khởi đầu tốt đẹp. Bà giáo dạy địa lý, một bà giáo già, vóc người nhỏ bé gầy đét, nom giống con bướm đêm, cũng phàn nàn với cô rằng Xavuskin hay đi muộn giờ. Nói chung bà ta hay kêu ca, khi thì kêu lớp ồn, khi thì kêu học sinh thiếu chú ý “Dạy tiết đầu bao giờ cũng rất khó !” – Bà giáo thở dài. “Vâng, khó với những người không biết lòi cuốn học sinh, không biết làm cho giờ dạy của mình thành giờ học lý thú” – hời ấy Anna Vaxiliepna có ý nghĩ tự tin như vậy và cô ngó ý muốn đổi giờ cho bà giáo. Bây giờ cô cảm thấy mình có lỗi với bà giáo già: bà đủ tinh để thấy cái nhĩa ý của cô chứa đựng sự thách thức và trách móc.

– Các em hiểu cả chứ ? – Anna Vaxiliepna nói với lớp.

– Hiểu ạ... hiểu ạ... – Các em đồng thanh trả lời.

- Tốt lắm. Thế thì cho ví dụ đi.

Cả lớp im phăng phắc mấy giây, rồi có em nào đó ngáp ngừng thốt lên:

- Con mèo...

- Đúng - Anna Vaxiliepna nói, cô nhớ ngay rằng năm ngoái, ví dụ đầu tiên cũng là "con mèo". Tiếp đó trong lớp như nước vỡ bờ:

- Cửa sổ ! Bàn ! Nhà ! Con đường !

- Đúng - Anna Vaxiliepna nói. Lớp học sôi động hẳn lên, vui sướng Anna Vaxiliepna ngạc nhiên thấy các em vui sướng như thế khi gọi tên những vật quen thuộc, như thể các em nhận ra những vật đó có một ý nghĩa mới mẻ khác thường. Phạm vi dẫn chứng mở rộng dần, nhưng lúc đầu các em vẫn chỉ quanh quẩn với những vật gần gũi nhất, có thể sờ mó thấy: bánh xe... máy kéo... chuồng chim...

Còn ở bàn sau (*chú bé Vaxiata béo mập ngồi ở đó*), một giọng thanh thanh vang lên dai dẳng:

- Cái đình... cái đình... cái đình.

Nhưng có em rụt rè lên tiếng:

Thành phố...

- Thành phố, khá lắm ! - Anna Vaxiliepna khuyến khích. Thế là bỗng rào rào như chim vỡ tổ.

- Đường phố... xe điện ngầm, xe điện, bộ phim...

- Thôi được, Anna Vaxiliepna nói - Cô thấy các em hiểu bài rồi đấy.

Tiếng lao xao ngừng lặng, xem ra có nhiều miễn cưỡng, riêng chu Vaxiata béo mập vẫn lăm nhăm từ "cái đỉnh" chưa được thừa nhận của mình. Bỗng nhiên, như choàng tỉnh cơn mơ, Xavuskin nhom dậy sau bàn và lớn tiếng nói oang oang:

- Cây sồi mùa đông...

Các em bật cười.

- Yên lặng Anna Vaxiliepna đập tay xuống bàn.

Cây sồi mùa đông !... Xavuskin nhắc lại, không để ý đến tiếng cười của các bạn cũng như tiếng găt của cô giáo. Chú nói mấy tiếng đó bằng một giọng không như các bạn khác. Mấy tiếng đó buột ra từ tâm hồn chú như một lời thú nhận, như một điều bí mật sung sướng mà trái tim tràn đầy hạnh phúc không cách gì kìm giữ lại được. Không hiểu sự xúc động lạ lùng của em, Anna Vaxiliepna cố nén giận, nói:

Sao lại cây sồi mùa đông ? "Cây sồi" thôi.

- Cây sồi thôi thì đáng nói làm gì ? Cây sồi mùa đông, đây mới là một danh từ.

- Em ngồi xuống, Xavuskin, đi muộn giờ là thế đấy ! "Cây sồi" là danh từ, còn mùa đông ở đây là loại từ gì thì chúng ta chưa học. Giờ ra chơi em lên phòng giáo viên nhé.

Hi, cây sồi mùa đông của mày đấy ! – Có em nào cười khúc khích ở bàn sau.

Xavuskin ngồi xuống, mỉm cười với những ý nghĩ riêng tư của mình và không hề chột dạ về lời đe dọa của cô giáo. “Em này thuộc loại khó răn bảo đấy”. – Anna Vaxiliepna trầm nghĩ.

Giờ học tiếp tục.

Em ngồi xuống chỗ này Anna Vaxiliepna nói, khi Xavuskin vào phòng giáo viên. Thằng bé ngồi xuống ghế bành mềm với vẻ thích thú và nhún nhảy mấy cái trên đệm lò xo.

Em hãy vui long nói rõ cho cô biết vì sao em thường xuyên đi học muộn ?

– Thưa cô, em cũng chẳng biết nữa – Em giang hai tay ra như người lớn – Em đi bộ suốt một giờ đấy chứ ạ.

Tìm cho ra sự thật ngay trong một việc hết sức nhỏ nhặt cũng khó lắm thay ! Nhiều em ở xa hơn Xavuskin nhiều, vậy mà không em nào đi mất hơn một tiếng.

– Nhà em ở Kudominki phải không ?

Không ạ, nhà em ở khu an dưỡng.

– Vậy mà em bảo là em đi mất một tiếng đồng hồ, nói như vậy em không biết thẹn sao ? Từ khu an

đường đến đường nhựa mất mười lăm phút và đi trên đường nhựa chỉ nửa tiếng nữa là cùng.

– Nhưng em không đi đường nhựa, em đi đường tắt đàng thẳng qua rừng -- Xavuskin nói, như thế chính em cũng khá ngạc nhiên về chuyện đó.

– Thắng qua rừng, chứ không phải là đàng thẳng – theo thói quen Anna Vaxiliepna chữa lại. Cô bối rối và buồn: bao giờ cô cũng có cảm giác như thế mỗi khi thấy trẻ em nói dối. Cô im lặng, cô hy vọng Xavuskin sẽ nói: “Cò Anna Vaxiliepna, cô tha lỗi cho em, em cùng các bạn chơi ném tuyết” hay một câu gì cũng gián dị và thực thà như thế. Nhưng em chỉ ngược đôi mắt to, xăm nhìn cô, cái nhìn như muốn nói: “Mọi việc thế là rõ ca rồi, cô còn cần gì ở em nữa ?”.

– Đáng buồn, đáng buồn lắm, Xavuskin ạ, cô đành phải nói chuyện với bố mẹ em vậy.

– Nhưng thưa cô, em chỉ còn mẹ thôi – Xavuskin mỉm cười...

Anna Vaxiliepna hơi đỏ mặt. Cô nhớ tới mẹ Xavuskin. Cậu con trai vẫn gọi bà là “Bà hộ lý ở nhà tắm hương sen”. Bà làm việc ở cơ sở thủy liệu pháp của khu an dưỡng. Đây là một người đàn bà gầy gò, đáng bộ mệt mỏi, tay trắng bệch và mềm nhũn vì thường xuyên tiếp xúc với nước nóng, nom như đôi tay bằng vải. Bà sống một mình, chồng chết trong chiến tranh giữ nước, ngoài Kôlya, bà còn nuôi dạy ba đứa trẻ nữa.

Đúng là không có chuyện này thì mẹ Xavuskin cũng có chán mỗi lo rồi. Nhưng dù sao, Anna Vaxiliepna vẫn phải gặp bà.

- Cô phải đến gặp mẹ em thôi.

- Vâng, mời cô đến, mẹ em sẽ mừng lắm đấy !

- Tiếc rằng cô không có câu chuyện gì đáng cho mẹ em vui mừng. Mẹ em làm việc buổi sáng phải không ?

- Không ạ, mẹ em làm ca hai, từ ba giờ.

- Thế thì hay lắm. Hai giờ cô hết tiết dạy. Tan học em đưa cô về nhà em.

... Con đường mòn Xavuskin đưa Anna Vaxiliepna đi bắt đầu ngay từ phía sau khu vực của nhà trường. Cô giáo và chú học trò vừa bước chân vào đến rừng và những cành vân sam tuyết bám nặng trĩu vừa khép lại sau lưng họ thì lập tức họ đã lọt vào một thế giới khác, cái vương quốc huyền ảo của sự yên ả và vắng lặng. Chim ác là và quạ bay từ cây này sang cây khác làm cho cành lá lay động, quả thông rụng-lộp độp, đôi khi cánh chim làm gãy những cành nhỏ khô giòn. Nhưng ở đây không có cái gì phát ra âm thanh.

Bốn bề trắng xóa. Duy ở trên cao hiện lên những mảng đen đen, ngọn những cây bạch dương cao lớn tấm mình trong gió và những cành mảnh mai nom như vế mực tàu trên nền trời xanh lam phẳng lì.

Con đường mòn chạy dọc bờ suối, khi thì ngang tầm con suối, ngoan ngoãn uốn theo từng khúc ngoặt của lòng suối, khi thì chạy lên cao, lượn ngoằn ngoèo trên bờ dốc đứng.

Đôi khi cây cối giãn ra, cho thấy những bãi trống tươi vui, chan hòa ánh nắng, vết chân thỏ kéo liền một dải như sợi dây đeo đồng hồ. Có lần còn gặp cả những vết lớn hình cò ba lá, vết chân của một con thú lớn không rõ là con gì. Vết chân đi vào giữa rừng sâu, nơi có nhiều cây bị gió bão quật đổ.

- Một con thú có sừng đã đi qua đây - Thấy Anna Vaxiliepná quan tâm đến vết chân thú, Xavuskin nói như nhắc tới một người quen tốt bụng - Nhưng cô đừng sợ - Thành bẻ nói thêm để trả lời cái nhìn của cô về phía giữa rừng - Đây là con nai thôi, nó hiền lắm cô ạ.

- Em nhìn thấy nó rồi ư ? - Anna Vaxiliepná hỏi bằng giọng say mê.

- Nhìn thấy chính nó, chính con nai bằng xương bằng thịt ấy ạ ? - Xavuskin thờ dãi - Không, em chưa được thấy. Có những quả hồ đào kia nhìn thấy nó kia.

- Cái gì ?

- Những cục nhỏ tròn tròn đấy - Xavuskin bên lên giải thích.

Con đường luôn qua dưới cái cổng tò vò kết bằng cành liễu trắng uốn cong và lại chạy ra suối. Có chỗ, suối bị trùm kín dưới tấm chăn tuyết rất dày, có chỗ nó đóng bộ áo giáp bằng băng sạch tinh, đôi khi ở chỗ giữa băng là tuyết, nước tràn trở sức sống ngó nhìn ra bằng con mắt sẫm tối, hần học.

– Tại sao suối không đóng băng hết nhỉ ? – Annan Vaxiliepnà hỏi.

– Trong suối có những mạch nước ấm cuộn cuộn, cô nhìn thấy tia nước kia không ạ ?

Anna Vaxiliepnà cúi xuống trên bụi gai, nhìn kỹ cái sợi chỉ mỏng manh từ đáy nước giăng lên; chưa đến mặt nước nó đã vỡ tung thành những hạt nhỏ. Cái cọng mỏng dính, ở đầu có bọt bong bóng ấy giống như cây linh lan.

– Ở đây có vô số mạch nước như thế ! – Xavuskin nói một cách say sưa – Suối vẫn sống ngay cả dưới lớp tuyết !

Thằng bé gạt tuyết sang một bên và trước mắt hiện ra làn nước đen như hắc ín nhưng vẫn trong suốt.

Anna Vaxiliepnà nhận thấy tuyết rơi xuống nước không tan ngay, mà lập tức đặc quánh lại, chảy thông xuống, nom như đám rong tảo đông lạnh màu lục nhạt. Cô ưa thích cảnh tượng ấy, đến nỗi cô dùng mũi giày hất tuyết xuống nước, vui sướng khi thấy một

tàng tuyết lớn được nhào nặn thành một hình đặc biệt rắc rối. Cô mãi mê với trò chơi ấy và không nhận ra rằng Xavuskin đã vượt lên trước, giờ đây đang ngồi vắt vẻo trên cái chạc cây lơ lửng trên suối, đợi cô. Anna Vaxiliepna vội theo cho kịp Xavuskin. Ở đây, những mạch nước ấm đã hết hiệu lực, suối phủ một mảng băng mỏng. Trên mặt băng trắng mịn như cẩm thạch, những bóng đen nhanh nhẹn, nhẹ nhõm vùn vụt lướt đi.

– Xem kìa, băng mỏng quá, trông thấy cả dòng chảy !

– Không phải đâu, cô Anna Vaxiliepna ! Ấy là em đừng đưa cái cành, bóng của nó lướt đi như thế đấy chứ...

Anna Vaxiliepna bậm môi làm thinh. Ở đây, trong rừng, có lẽ cô nên im lặng là hơn cả.

Xavuskin lại tiến bước, vượt lên trước cô giáo, dáng đi hơi lom khom và chăm chú nhìn xung quanh.

Rừng tiếp tục dẫn cô giáo và em học sinh vào những lối đi quanh co, rắc rối của nó. Tưởng chừng như rừng cây này, những đống tuyết này, cái yên lặng này và cảnh sắc lơ mơ có ánh mặt trời chiếu xuyên qua này sẽ không có chỗ tận cùng.

Đột nhiên, ở đằng xa hừng lên một khe hở màu khói lam. Rừng thưa thay thế cho rừng rậm, xung quanh trở nên rộng rãi và tươi mới. Bây giờ ở phía trước không còn là một khe hở, mà đã xuất hiện một khoảng trống rộng rãi, tràn ngập ánh mặt trời, ở đấy

có cái gì lấp lánh, lóe sáng, ánh băng nhấp nháy như những chòm sao.

Con đường mòn chạy vòng qua bụi phỉ tử và rừng lập tức tán ra: giữa một bãi trống, một cây sồi khổng lồ mặc bộ y phục trắng tinh, lấp lánh, nom uy nghi như một nhà thờ lớn. Dường như cây cối kính cẩn dạt ra nhường chỗ cho bậc đàn anh bậc lộ hết sức vóc tráng sĩ của mình. Những cành cây phía dưới xòe rộng thành một mái lều bên trên bãi trống. Tuyết lấp đầy những nếp nhăn hoắm sâu trong vỏ cây và cái thân cây ba tầm người ôm được gộp bằng những sợi chì bạc. Lá khô héo qua mùa thu hầu như chưa rụng, cây sồi vẫn xum xuê cho đến tận ngọn, mỗi phiến lá đều mang tấm vỏ bao bằng tuyết.

- Nó đây này, cây sồi mùa đông !

Anna Vaxiliepna rụt rè bước một bước về phía cây sồi và người canh rừng hùng vĩ, độ lượng khê khua động một cành cây đón chào cô.

Không hề biết những gì đang diễn ra trong tâm hồn cô giáo, Xavuskin loay hoay dưới gốc cây sồi, cư xử một cách tự nhiên với người quen cũ của mình.

- Cô Anna Vaxiliepna, cô nhìn xem này !

Nó gắng sức vắn một tảng tuyết bên dưới hết những đất cùng với đám cỏ mục nát vẫn còn sót lại. Ở đây, trong một cái hố, có một cục tròn bọc trong những tấm lá đã mủn nát mỏng dính như mạng nhện.

Qua lớp lá thò ra những đầu kim nhọn hoắt. Anna Vaxiliepna đoán ra đấy là con nhím.

- Nó tự ủ ấm mới khéo chứ ! - Xavuskin ân cần đắp cho con nhím tấm chăn mộc mạc của nó. Rồi thàng bé hơi tuyệt cạnh một khúc rễ khác. Trước mắt là một cái hang nhỏ xíu, trên vòm có những trụ bằng rễ xuống như tua viền. Trong hang, một con nhái màu nâu nom như bằng bìa cứng ngồi chồm hổm, làn da căng dính xương bóng như đánh vec-ni. Xavuskin sờ vào con nhái, nó không động dậy.

Vờ vình ! - Xavuskin bật cười. Làm như đã chết rồi. Thế mà năng ấm lên là nó nhảy ngay đi cho mà xem, ời chao, cứ là như chơi chơi ấy !

Thàng bé tiếp tục đưa Anna Vaxiliepna đi thăm cái thế giới bé nhỏ của mình. Dưới gốc sồi còn nhiều khách trọ khác: bọ dừa, thần lằn, rệp cây. Một số ẩn kín dưới các nhánh rễ, số khác rúc vào những kẽ vỏ cây. Con nào cũng gầy nhom, dường như bên trong rỗng tuếch, chung ngủ vui cho qua mùa đông. Cái cây cường tráng, tràn trề nhựa sống tích tụ quanh nó nhiều sinh lực âm áp đến nỗi loài thú đáng thương không thể tìm đâu ra căn nhà tốt hơn. Lòng rộn ràng vui thích, Anna Vaxiliepna mãi mê quan sát đời sống bí mật của rừng, trước nay cô chưa từng biết đến cuộc sống như thế, bỗng nhiên cô chợt nghe thấy tiếng kêu lo lắng của Xavuskin:

– Chết thôi, cô sẽ không gặp được mẹ em nữa rồi !

Anna Vaxiliepnà vội đưa đồng hồ lên sát tận mắt. Ba giờ mười lăm. Cô có cảm giác như mình bị sa bẫy. Và trong thâm tâm, thầm xin cây sồi tha thứ cho cái mưu mẹo nhỏ mọn hợp tình người của mình, cô nói:

– Thế đấy, Xavuskin ạ, điều đó chỉ có nghĩa rằng con đường tắt vẫn chưa phải là con đường đúng nhất. Em sẽ phải đi học bằng đường nhựa thôi.

Xavuskin không đáp lại gì hết, chỉ cúi đầu xuống.

“Trời ơi – Anna Vaxiliepnà nghĩ, không khỏi cảm thấy đau đớn trong lòng – Có cách nào thú nhận sự bất lực của mình rõ rệt hơn thế không?”. Cô nhớ đến bài giảng hôm nay và tất cả những bài giảng khác của mình; cô đã giảng một cách nghèo nàn, khô khan, lạnh nhạt làm sao về từ ngữ và tiếng nói, cái mà thiếu nó thì con người trở nên câm lặng trước thế giới, bất lực trong tình cảm, về tiếng mẹ đẻ, cái tiếng nói cũng tươi mát, mỹ lệ và giàu có như cuộc sống phong phú và tươi đẹp.

Ấy vậy mà cô vẫn tự coi mình là một cô giáo dạy giỏi đấy ! Có lẽ cô chưa tiến nổi một bước trên con đường mà một đời người chưa đủ để đi cho hết. Và chẳng, con đường ấy ở đâu kia chứ ? Tìm ra nó cũng gay go và không dễ gì hơn tìm chiếc chìa khóa mở hộp

đựng vật báu của Kasây¹¹. Nhưng qua niềm vui sướng của các em học sinh khi các em reo lên: “máy kéo... giếng... chuồng chim”, niềm vui sướng mà cô không hiểu nổi, cô đã thấy lơ mờ ló ra cái cột mốc đầu tiên.

– Xavuskin ạ, cảm ơn em đã đưa cô đi dạo chơi. Tất nhiên là em vẫn có thể cứ đi con đường này.

– Em cảm ơn cô, cô Anna Vaxiliepna !...

Xavuskin đỏ mặt, em rất muốn nói với cô giáo rằng em sẽ không bao giờ đi học muộn nữa, nhưng em sợ rằng em không làm được như lời. Em dựng cao cổ áo blu-dông, ấn xup cái mũ có tai xuống.

– Em đưa cô đi.

– Không cần, Xavuskin ạ, cô về một mình cũng được.

Thằng bé nhìn cô giáo với vẻ ngờ vực, rồi nhặt dưới đất lên một cái gậy, bẻ gập cái đầu cong của nó và đưa cho cô giáo.

– Nếu cô gập con thú có sừng, cô cứ quật vào lưng nó một cái, nó sẽ bỏ chạy ngay. Hay cô chỉ cần giơ gậy lên dọa cũng đủ làm nó sợ rồi ! Kéo không nó giận và sẽ bỏ rừng đi biệt mất.

– Được, Xavuskin ạ, cô sẽ không đánh nó đâu !

(1) Nhân vật trong chuyện cổ Nga, cô những kho báu và bí quyết trường sinh (N.D)

Đi được một quãng, Anna Vaxiliepna ngoảnh lại nhìn cây sồi lan cuối, cái cây màu trắng hồng trong ánh hoàng hôn và cô thấy một dáng hình nhỏ nhắn màu tối thẫm dưới gốc cây. Xavuskin chưa đi, em vẫn đứng đằng xa bảo vệ cô giáo của mình. Và Anna Vaxiliepna bỗng hiểu rằng cái kỳ diệu nhất trong khu rừng này không phải là cây sồi mùa đông, mà là con người nhỏ bé đi đôi ủng da đã doãng ra kia, mặc bộ quần áo đơn sơ chữa lại của người lớn, con trai của người lính đã hy sinh vì Tổ quốc và của “người hộ lý của nhà tắm hương sen”, chú bé công dân tuyệt diệu và bí ẩn của tương lai.

Cô giơ tay vẫy em và thông thả đi tiếp con đường ngoằn ngoèo.

Phạm Mạnh Hùng dịch